

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 11B2

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 11B2 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Cao Nguyễn Tường An	04/07/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Chợ Trạm
2	Nguyễn Thị Lan Anh	12/04/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Bình Hòa
3	Nguyễn Quốc Anh	24/11/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Khu 3
4	Nguyễn Chí Bảo	07/12/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Láng
5	Phan Thị Kim Chi	29/06/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 2
6	Nguyễn Ngọc Cơ	17/09/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 3
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	04/07/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 4
8	Đỗ Phát Đạt	04/10/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới
9	Nguyễn Minh Đức	14/09/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới
10	Lê Thị Ngọc Hân	08/06/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Hòa Quới
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	01/08/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 7
12	Kiều Thị Lan Hương	16/10/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 1
13	Ngô An Khang	17/10/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 4
14	Nguyễn Tấn Khanh	10/03/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 6
15	Nguyễn Tấn Kiệt	29/12/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Xôm Chùa
16	Trần Thành Kiệt	11/12/2008	Long An	Kinh	Nam		Khu 4
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	25/08/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 3
18	Trần Thanh Mai	09/09/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đông Nhì
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	29/01/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 3
20	Nguyễn Hồng Ngân	10/01/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2
21	Ngô Bảo Nghi	04/08/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	17/10/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đông Trung
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	16/09/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Bà Thoại
24	Phan Thị Kim Oanh	26/07/2008	Long An	Kinh	Nữ		Khu 6
25	Lê Phong Phú	23/05/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Bà Nghĩa
26	Ngô Thị Trúc Phương	28/06/2008	Trà Vinh	Kinh	Nữ		Ấp 5
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	04/01/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Láng
28	Cao Thanh Thắng	17/04/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4
29	Nguyễn Công Thoại	10/07/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	17/11/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Bà Nghĩa
31	Nguyễn Thị Anh Thư	20/11/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đông Nhì
32	Nguyễn Thị Kim Thư	05/05/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Nhà Thờ
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	17/07/2008	Tiền Giang	Kinh	Nữ		Ấp Bà Nghĩa
34	Đào Thị Mỹ Tiên	16/12/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Rạch Bọng
35	Nguyễn Bình Tinh	09/06/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 6
36	Nguyễn Phong Toàn	15/03/2008	Bạc Liêu	Kinh	Nam		Ấp 2
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	26/11/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Cầu Xây
38	Lê Thị Huyền Trân	09/03/2008	Long An	Kinh	Nữ		Khu 1A
39	Mai Trần Huyền Trân	27/10/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 3
40	Trần Thanh Tuyết	24/03/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Bà Chu
41	Huỳnh Lê Vy	23/03/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đông Trung
42	Trương Thảo Vy	17/01/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 2
43	Đỗ Ngọc Như Ý	06/05/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 5

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Cao Minh Hải - Làm ruộng	Nguyễn Thị Thu Hồng - Công nhân	
2	Nguyễn Huy Bình - Công nhân	Lê Thị Lý - Công nhân	
3	Nguyễn Thanh Hùng - Làm thuê	Nguyễn Yến Lan - Nội trợ	
4	Nguyễn Tấn Phước - Buôn bán	Nguyễn Thị Bích Thủy - Buôn bán	
5	Phan Văn Hờ - Đi Xả lan	Nguyễn Thị Ngon - Nôi trợ	
6	Nguyễn Văn Lộc - Làm ruộng	Võ Thị Anh Thy - Làm ruộng	
7	Phạm Văn Thật - Làm ruộng	Nguyễn Thị Riều - Nội trợ	
8	Đỗ Thành Phát - Làm thuê	Nguyễn Thị Kiều Diễm - Nội trợ	
9	Nguyễn Minh Hùng - Nông dân	Ngô Thị Nhanh - Làm bánh	
10	Lê Văn Rơn - Đi xả lan	Nguyễn Kim Phượng - Đi xả lan	
11	Nguyễn Văn Tân - Làm thuê	Hồ Ngọc Lệ - Nội trợ	
12	Kiều Tấn Lực - Công nhân	Võ Thị Xuân - Công nhân	
13	Ngô Châu Tuyên - Tài xế	Trần Thị Thúy An - Cấp dưỡng	
14	Nguyễn Thành Tấn - Bảo vệ	Nguyễn Thị Ngọc Hân - Công nhân	
15	Nguyễn Văn Dũng - Tự do	Phạm Thị Ngọc - Công nhân	
16		Trần Thị Diễm Thu - Buôn bán	
17	Nguyễn Văn Tân - Trồng trọt	Trần Thị Ngọc Hương - Trồng trọt	
18	Trần Văn Ru - Làm ruộng	Lê Thị Ngọc Duyên - Làm mướn	
19	Nguyễn Thanh Châu - Buôn bán	Đinh Thị Ngọc Mai - Công nhân	
20	Nguyễn Văn Linh - Thợ hồ	Châu Thị Cẩm Hồng - Buôn bán	
21	Ngô Văn Châu - Công nhân	Trần Thị An - Công nhân	
22	Trần Vum Khánh - Công nhân	Nguyễn Thị Kim Quyên - Công nhân	
23	Nguyễn Ngọc Ân - Thợ hàn	Nguyễn Thị Nhân - Nội trợ	
24	Phan Văn Tân - Tài xế	Nguyễn Thị Kim Yến - Buôn bán	
25	Lê Văn Tân - Đi tàu	Lê Thị Linh - Nội trợ	
26	Ngô Văn Dèo - Công nhân	Nguyễn Thị Đông - Công nhân	
27	Nguyễn Minh Hiếu - Làm ruộng	Đỗ Thị Hòa - Công nhân	
28	Cao Văn Tú - Làm thuê	Trần Thị Thu Nguyệt - Nội trợ	
29	Nguyễn Văn Chót - Làm ruộng	Châu Thị Sến - Làm ruộng	
30	Nguyễn Văn Dũng - Công nhân	Lê Thị Thu Ba - Tự do	
31	Nguyễn Văn Cường - Thợ mộc	Nguyễn Thị Oanh - Công nhân	
32	Nguyễn Văn Nhị - Mát	Ngô Bích Lệ - Nội trợ	
33	Đặng Thanh Sơn - Tài xế	Huỳnh Thị Ngọc Diệp - Công nhân	
34	Đào Tuấn Linh - Tài xế	Huỳnh Thị Ngọc Diệp - Công nhân	
35	Nguyễn Văn Bình - Bảo vệ	Nguyễn Thị Ty - Công nhân	
36	Nguyễn Thanh Phong - Làm ruộng	Lưu Thị Huyền Chi - Nội trợ	
37	Nguyễn Haai Ân - Tài xế	Nguyễn Thị Kim Thắng - Công nhân	
38	Lê Quang Hoàng Nam - Công nhân	Phan Hồng Nhi - công nhân	
39	Mai Văn Lạc - Buôn bán	Trần Thị Kim Tuyến - Kinh doanh	
40	Trần Thanh Tâm - Công nhân	Ngô Thị Ngọc Hiền - Công nhân	
41	Huỳnh Thanh Tùng - Công nhân	Lê Thị Ngọc - Buôn bán	
42	Trương Thanh Nhân - Tự do	Nguyễn Thị Tuyết Quí - Nấu Ăn	
43	Đỗ Thành Nhân - Cơ khí	Võ Ngọc Hân - Công nhân	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2		TS	P	K
1	Cao Nguyễn Tường An																																	0	0	0
2	Nguyễn Thị Lan Anh																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Anh																																	0	0	0
4	Nguyễn Chí Bảo																																	0	0	0
5	Phan Thị Kim Chi																																	0	0	0
6	Nguyễn Ngọc Cơ										P																							1	1	0
7	Phạm Nguyễn Thành Duy																																	0	0	0
8	Đỗ Phát Đạt															P																		1	1	0
9	Nguyễn Minh Đức																										P							1	1	0
10	Lê Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu											P																						1	1	0
12	Kiều Thị Lan Hương																																	0	0	0
13	Ngô An Khang																																	0	0	0
14	Nguyễn Tấn Khanh																																	0	0	0
15	Nguyễn Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Trần Thành Kiệt																																	0	0	0
17	Nguyễn Tuấn Kiệt																				P								P				2	2	0	
18	Trần Thanh Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân																										P							1	1	0
20	Nguyễn Hồng Ngân																																	0	0	0
21	Ngô Bảo Nghi																																	0	0	0
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc																			P														1	1	0
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung																																	0	0	0
24	Phan Thị Kim Oanh																																	0	0	0
25	Lê Phong Phú																																	0	0	0
26	Ngô Thị Trúc Phương																																	0	0	0
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
28	Cao Thanh Thắng														K												K						2	0	2	
29	Nguyễn Công Thoại																																	0	0	0
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý																																	0	0	0
31	Nguyễn Thị Anh Thư																																	0	0	0
32	Nguyễn Thị Kim Thư																																	0	0	0
33	Đặng Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
34	Đào Thị Mỹ Tiên																																	0	0	0
35	Nguyễn Bình Tĩnh																																	0	0	0
36	Nguyễn Phong Toàn																																	0	0	0
37	Nguyễn Kim Huyền Trân																									P								1	1	0
38	Lê Thị Huyền Trân											P																						1	1	0
39	Mai Trần Huyền Trân																																	0	0	0
40	Trần Thanh Tuyết																																	0	0	0
41	Huỳnh Lê Vy																																	0	0	0
42	Trương Thảo Vy																																	0	0	0
43	Đỗ Ngọc Như Ý																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	0	3	0	1	0	0		12	10	2

Tỉ lệ:

có phép: 83.33%
không phép: 16.67%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	TS	P	K
1	Cao Nguyễn Tường An																																0	0	0	
2	Nguyễn Thị Lan Anh																																0	0	0	
3	Nguyễn Quốc Anh																																0	0	0	
4	Nguyễn Chí Bảo																P																1	1	0	
5	Phan Thị Kim Chi																																0	0	0	
6	Nguyễn Ngọc Cơ																																0	0	0	
7	Phạm Nguyễn Thành Duy																																0	0	0	
8	Đỗ Phát Đạt																																0	0	0	
9	Nguyễn Minh Đức																																0	0	0	
10	Lê Thị Ngọc Hân																																0	0	0	
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu																																0	0	0	
12	Kiều Thị Lan Hương																																0	0	0	
13	Ngô An Khang													P																			1	1	0	
14	Nguyễn Tấn Khanh																																0	0	0	
15	Nguyễn Tấn Kiệt																																0	0	0	
16	Trần Thành Kiệt																																0	0	0	
17	Nguyễn Tuấn Kiệt													P								P										2	2	0		
18	Trần Thanh Mai																																0	0	0	
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân								P																								1	1	0	
20	Nguyễn Hồng Ngân																																0	0	0	
21	Ngô Bảo Nghi									P																							1	1	0	
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc					P														P		P										3	3	0		
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung																																0	0	0	
24	Phan Thị Kim Oanh															P	P																2	2	0	
25	Lê Phong Phú																																0	0	0	
26	Ngô Thị Trúc Phương																																0	0	0	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																0	0	0	
28	Cao Thanh Thắng					P																										P	2	2	0	
29	Nguyễn Công Thoại																																0	0	0	
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý																																0	0	0	
31	Nguyễn Thị Anh Thư																					P											1	1	0	
32	Nguyễn Thị Kim Thư																																0	0	0	
33	Đặng Thị Cẩm Tiên																										</									

Ti lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7		TS	P	K
1	Cao Nguyễn Tường An																																	0	0	0
2	Nguyễn Thị Lan Anh																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Anh																																	0	0	0
4	Nguyễn Chí Bảo																														P			1	1	0
5	Phan Thị Kim Chi																																	0	0	0
6	Nguyễn Ngọc Cơ																																	0	0	0
7	Phạm Nguyễn Thành Duy																														P			1	1	0
8	Đỗ Phát Đạt																																	0	0	0
9	Nguyễn Minh Đức																																	0	0	0
10	Lê Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu																																	0	0	0
12	Kiều Thị Lan Hương																																	0	0	0
13	Ngô An Khang																																	0	0	0
14	Nguyễn Tấn Khanh																																	0	0	0
15	Nguyễn Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Trần Thành Kiệt																																	0	0	0
17	Nguyễn Tuấn Kiệt																																	0	0	0
18	Trần Thanh Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân																														P			1	1	0
20	Nguyễn Hồng Ngân																																	0	0	0
21	Ngô Bảo Nghi																																	0	0	0
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc																																	0	0	0
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung																																	0	0	0
24	Phan Thị Kim Oanh																																	0	0	0
25	Lê Phong Phú																																	0	0	0
26	Ngô Thị Trúc Phương																																	0	0	0
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
28	Cao Thanh Thắng		P				K										K				K	P		K						K			7	2	5	
29	Nguyễn Công Thoại																																	0	0	0
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý																																	0	0	0
31	Nguyễn Thị Anh Thư						P																										1	1	0	
32	Nguyễn Thị Kim Thư																																	0	0	0
33	Đặng Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
34	Đào Thị Mỹ Tiên																																	0	0	0
35	Nguyễn Bình Tĩnh																																	0	0	0
36	Nguyễn Phong Toàn		P	P																														2	2	0
37	Nguyễn Kim Huyền Trân																																	0	0	0
38	Lê Thị Huyền Trân																																	0	0	0
39	Mai Trần Huyền Trân																																	0	0	0
40	Trần Thanh Tuyết																																	0	0	0
41	Huỳnh Lê Vy																																	0	0	0
42	Trương Thảo Vy																																	0	0	0
43	Đỗ Ngọc Như Ý																																	0	0	0
	Tổng số		2	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	4	0		13	8	5

Tỉ lệ:
có phép: 61.54%
không phép: 38.46%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	TS	P	K
1	Cao Nguyễn Tường An																																	0	0	0
2	Nguyễn Thị Lan Anh																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Anh																																	0	0	0
4	Nguyễn Chí Bảo																																	0	0	0
5	Phan Thị Kim Chi																																	0	0	0
6	Nguyễn Ngọc Cơ																																	0	0	0
7	Phạm Nguyễn Thành Duy																																	0	0	0
8	Đỗ Phát Đạt			P												P																		2	2	0
9	Nguyễn Minh Đức																																	0	0	0
10	Lê Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu																																	0	0	0
12	Kiều Thị Lan Hương																																	0	0	0
13	Ngô An Khang																																	0	0	0
14	Nguyễn Tấn Khanh																																	0	0	0
15	Nguyễn Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Trần Thành Kiệt																																	0	0	0
17	Nguyễn Tuấn Kiệt																																	0	0	0
18	Trần Thanh Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân																																	0	0	0
20	Nguyễn Hồng Ngân																																	0	0	0
21	Ngô Bảo Nghi																																	0	0	0
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc						P																											1	1	0
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung																																	0	0	0
24	Phan Thị Kim Oanh																																	0	0	0
25	Lê Phong Phú																																	0	0	0
26	Ngô Thị Trúc Phương																																	0	0	0
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
28	Cao Thanh Thắng						P		K		K		K		K	K											K						7	1	6	
29	Nguyễn Công Thoại																																	0	0	0
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý																																	0	0	0
31	Nguyễn Thị Anh Thư						P																											1	1	0
32	Nguyễn Thị Kim Thư																																	0	0	0
33	Đặng Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
34	Đào Thị Mỹ Tiên																																	0	0	0
35	Nguyễn Bình Tĩnh																																	0	0	0
36	Nguyễn Phong Toàn																																	0	0	0
37	Nguyễn Kim Huyền Trân															P																		1	1	0
38	Lê Thị Huyền Trân																																	0	0	0
39	Mai Trần Huyền Trân																																	0	0	0
40	Trần Thanh Tuyết																																	0	0	0
41	Huỳnh Lê Vy																																	0	0	0
42	Trương Thảo Vy																																	0	0	0
43	Đỗ Ngọc Như Ý																																	0	0	0
	Tổng số		0	1	0	0	3	0	1	0	1	0	1	0	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	12	6	6

Ti lệ:

có phép: 50.00%
không phép: 50.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	TS	P	K
1	Cao Nguyễn Tường An																																0	0	0	
2	Nguyễn Thị Lan Anh																																0	0	0	
3	Nguyễn Quốc Anh																																0	0	0	
4	Nguyễn Chí Bảo																P	P															2	2	0	
5	Phan Thị Kim Chi																																0	0	0	
6	Nguyễn Ngọc Cơ																																0	0	0	
7	Phạm Nguyễn Thành Duy																			P													1	1	0	
8	Đỗ Phát Đạt																							P	P								2	2	0	
9	Nguyễn Minh Đức																							P	P								0	0	0	
10	Lê Thị Ngọc Hân																																0	0	0	
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu																																0	0	0	
12	Kiều Thị Lan Hương																																0	0	0	
13	Ngô An Khang																																0	0	0	
14	Nguyễn Tấn Khanh																																0	0	0	
15	Nguyễn Tấn Kiệt																																0	0	0	
16	Trần Thành Kiệt																	P															1	1	0	
17	Nguyễn Tuấn Kiệt																			P		P	P		P								4	4	0	
18	Trần Thanh Mai																																0	0	0	
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân																																0	0	0	
20	Nguyễn Hồng Ngân																																0	0	0	
21	Ngô Bảo Nghi																																0	0	0	
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc																					P			P								2	2	0	
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung																																0	0	0	
24	Phan Thị Kim Oanh																							P									1	1	0	
25	Lê Phong Phú																P																1	1	0	
26	Ngô Thị Trúc Phương																																0	0	0	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																0	0	0	
28	Cao Thanh Thắng															K								P	K								3	1	2	
29	Nguyễn Công Thoại																																0	0	0	
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý																																0	0	0	
31	Nguyễn Thị Anh Thư															P				P													2	2	0	
32	Nguyễn Thị Kim Thư																																0	0	0	
33	Đặng Thị Cẩm Tiên																						</													

Tỉ lệ:

có phép: 90.91%
không phép: 9.09%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6				TS	P	K
1	Cao Nguyễn Tường An																																	0	0	0
2	Nguyễn Thị Lan Anh																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Anh																																	0	0	0
4	Nguyễn Chí Bảo							P																										1	1	0
5	Phan Thị Kim Chi													P																				1	1	0
6	Nguyễn Ngọc Cơ																																	0	0	0
7	Phạm Nguyễn Thành Duy																																	0	0	0
8	Đỗ Phát Đạt			P				P						P																				3	3	0
9	Nguyễn Minh Đức																																	0	0	0
10	Lê Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu																																	0	0	0
12	Kiều Thị Lan Hương																																	0	0	0
13	Ngô An Khang																																	0	0	0
14	Nguyễn Tấn Khanh																																	0	0	0
15	Nguyễn Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Trần Thành Kiệt			P																														1	1	0
17	Nguyễn Tuấn Kiệt														P	P																		2	2	0
18	Trần Thanh Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân			P				P																										2	2	0
20	Nguyễn Hồng Ngân																																	0	0	0
21	Ngô Bảo Nghi			P												P																		2	2	0
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc			P																			P											2	2	0
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung																																	0	0	0
24	Phan Thị Kim Oanh																																	0	0	0
25	Lê Phong Phú																																	0	0	0
26	Ngô Thị Trúc Phương																																	0	0	0
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
28	Cao Thanh Thắng			K	K										K	K																		4	0	4
29	Nguyễn Công Thoại																																	0	0	0
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý																																	0	0	0
31	Nguyễn Thị Anh Thư																																	0	0	0
32	Nguyễn Thị Kim Thư																																	0	0	0
33	Đặng Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
34	Đào Thị Mỹ Tiên																						P											1	1	0
35	Nguyễn Bình Tĩnh																																	0	0	0
36	Nguyễn Phong Toàn									P		P	P																					3	3	0
37	Nguyễn Kim Huyền Trân																																	0	0	0
38	Lê Thị Huyền Trân				P																													1	1	0
39	Mai Trần Huyền Trân																																	0	0	0
40	Trần Thanh Tuyết																																	0	0	0
41	Huỳnh Lê Vy																																	0	0	0
42	Trương Thảo Vy																																	0	0	0
43	Đỗ Ngọc Như Ý																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	6	2	0	3	0	1	0	1	1	1	2	2	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0				23	19	4	

Tỉ lệ:

có phép: 82.61%
không phép: 17.39%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ			
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	TS	P	K	
1	Cao Nguyễn Tường An																																0	0	0		
2	Nguyễn Thị Lan Anh																																0	0	0		
3	Nguyễn Quốc Anh																																0	0	0		
4	Nguyễn Chí Bảo																																0	0	0		
5	Phan Thị Kim Chi																																0	0	0		
6	Nguyễn Ngọc Cơ																																0	0	0		
7	Phạm Nguyễn Thành Duy																																0	0	0		
8	Đỗ Phát Đạt																																0	0	0		
9	Nguyễn Minh Đức																																0	0	0		
10	Lê Thị Ngọc Hân																																0	0	0		
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu																																0	0	0		
12	Kiều Thị Lan Hương																																0	0	0		
13	Ngô An Khang																																0	0	0		
14	Nguyễn Tấn Khanh																																0	0	0		
15	Nguyễn Tấn Kiệt																																0	0	0		
16	Trần Thành Kiệt																																0	0	0		
17	Nguyễn Tuấn Kiệt																P						P							P		3	3	0			
18	Trần Thanh Mai																																0	0	0		
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân																																0	0	0		
20	Nguyễn Hồng Ngân																																0	0	0		
21	Ngô Bảo Nghi																																0	0	0		
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc																																0	0	0		
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung																																0	0	0		
24	Phan Thị Kim Oanh																																0	0	0		
25	Lê Phong Phú																																0	0	0		
26	Ngô Thị Trúc Phương																																0	0	0		
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																0	0	0		
28	Cao Thanh Thắng																																0	0	0		
29	Nguyễn Công Thoại																																0	0	0		
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý																																0	0	0		
31	Nguyễn Thị Anh Thư																																0	0	0		
32	Nguyễn Thị Kim Thư																																0	0	0		
33	Đặng Thị Cẩm Tiên																																0	0	0		
34	Đào Thị Mỹ Tiên																																0	0	0		
35	Nguyễn Bình Tĩnh																																0	0	0		
36	Nguyễn Phong Toàn																																0	0	0		
37	Nguyễn Kim Huyền Trân																						P										1	1	0		
38	Lê Thị Huyền Trân																P																1	1	0		
39	Mai Trần Huyền Trân																																0	0	0		
40	Trần Thanh Tuyết																																0	0	0		
41	Huỳnh Lê Vy																																0	0	0		
42	Trương Thảo Vy																																0	0	0		
43	Đỗ Ngọc Như Ý																																0	0	0		
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	5	5	0

Ti lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4		TS	P	K
1	Cao Nguyễn Tường An																																	0	0	0
2	Nguyễn Thị Lan Anh																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Anh																																	0	0	0
4	Nguyễn Chí Bảo													P																			1	1	0	
5	Phan Thị Kim Chi																			P													1	1	0	
6	Nguyễn Ngọc Cơ																																	0	0	0
7	Phạm Nguyễn Thành Duy																																	0	0	0
8	Đỗ Phát Đạt												P					P			P		P					P					5	5	0	
9	Nguyễn Minh Đức																																	0	0	0
10	Lê Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu																			P													1	1	0	
12	Kiều Thị Lan Hương																																	0	0	0
13	Ngô An Khang											P																					1	1	0	
14	Nguyễn Tấn Khanh																																	0	0	0
15	Nguyễn Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Trần Thành Kiệt																																	0	0	0
17	Nguyễn Tuấn Kiệt																					P	P	P									3	3	0	
18	Trần Thanh Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân											P																					1	1	0	
20	Nguyễn Hồng Ngân																																	0	0	0
21	Ngô Bảo Nghi																																	0	0	0
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc												P																				1	1	0	
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung																																	0	0	0
24	Phan Thị Kim Oanh																																	0	0	0
25	Lê Phong Phú																																	0	0	0
26	Ngô Thị Trúc Phương																																	0	0	0
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
28	Cao Thanh Thắng									K					K							K	P	P									5	2	3	
29	Nguyễn Công Thoại																																	0	0	0
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý																																	0	0	0
31	Nguyễn Thị Anh Thư																																	0	0	0
32	Nguyễn Thị Kim Thư																																	0	0	0
33	Đặng Thị Cẩm Tiên				P																													1	1	0
34	Đào Thị Mỹ Tiên																																	0	0	0
35	Nguyễn Bình Tĩnh																																	0	0	0
36	Nguyễn Phong Toàn									P	P	P										P	P	P									6	6	0	
37	Nguyễn Kim Huyền Trân			P																														1	1	0
38	Lê Thị Huyền Trân																																	0	0	0
39	Mai Trần Huyền Trân																																	0	0	0
40	Trần Thanh Tuyết																																	0	0	0
41	Huỳnh Lê Vy														P																			1	1	0
42	Trương Thảo Vy																																	0	0	0
43	Đỗ Ngọc Như Ý																																	0	0	0
	Tổng số		0	1	1	0	0	0	0	2	2	2	2	1	0	2	0	1	0	1	2	0	4	3	3	0	0	1	0	0	0	0		28	25	3

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ			
		Thứ	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	TS	P	K	
1	Cao Nguyễn Tường An																																	0	0	0	
2	Nguyễn Thị Lan Anh																																	0	0	0	
3	Nguyễn Quốc Anh																																	0	0	0	
4	Nguyễn Chí Bảo																																	0	0	0	
5	Phan Thị Kim Chi																																	0	0	0	
6	Nguyễn Ngọc Cơ																																	0	0	0	
7	Phạm Nguyễn Thành Duy																																	0	0	0	
8	Đỗ Phát Đạt																																	0	0	0	
9	Nguyễn Minh Đức																																	0	0	0	
10	Lê Thị Ngọc Hân																																	0	0	0	
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu																																	0	0	0	
12	Kiều Thị Lan Hương																																	0	0	0	
13	Ngô An Khang																																	0	0	0	
14	Nguyễn Tấn Khanh																																	0	0	0	
15	Nguyễn Tấn Kiệt																																	0	0	0	
16	Trần Thành Kiệt																																	0	0	0	
17	Nguyễn Tuấn Kiệt																																	0	0	0	
18	Trần Thanh Mai																																	0	0	0	
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân																																	0	0	0	
20	Nguyễn Hồng Ngân																																	0	0	0	
21	Ngô Bảo Nghi																																	0	0	0	
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc																																	0	0	0	
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung																																	0	0	0	
24	Phan Thị Kim Oanh																																	0	0	0	
25	Lê Phong Phú																																	0	0	0	
26	Ngô Thị Trúc Phương																																	0	0	0	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0	
28	Cao Thanh Thắng																																	0	0	0	
29	Nguyễn Công Thoại																																	0	0	0	
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý																																	0	0	0	
31	Nguyễn Thị Anh Thư																																	0	0	0	
32	Nguyễn Thị Kim Thư																																	0	0	0	
33	Đặng Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0	
34	Đào Thị Mỹ Tiên																																	0	0	0	
35	Nguyễn Bình Tĩnh																																	0	0	0	
36	Nguyễn Phong Toàn																																	0	0	0	
37	Nguyễn Kim Huyền Trân																																	0	0	0	
38	Lê Thị Huyền Trân																																	0	0	0	
39	Mai Trần Huyền Trân																																	0	0	0	
40	Trần Thanh Tuyết																																	0	0	0	
41	Huỳnh Lê Vy																																	0	0	0	
42	Trương Thảo Vy																																	0	0	0	
43	Đỗ Ngọc Như Ý																																	0	0	0	
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ti lệ:

có phép: 0%
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Cao Nguyễn Tường An	10,0	9,0	10,0	9,0		6,0	8,5	8,4	Chăm, ngoan, tích cực trong học tập.
2	Nguyễn Thị Lan Anh	9,0	9,0	9,0	10,0		7,5	5,8	7,7	Học khá, tích cực trong học tập.
3	Nguyễn Quốc Anh	10,0	9,0	7,0	9,0		7,5	6,0	7,6	Học khá, tích cực trong học tập.
4	Nguyễn Chí Bảo	8,0	7,0	7,0	9,0		5,0	5,8	6,5	Ngoan, có cố gắng trong học tập.
5	Phan Thị Kim Chi	9,0	9,0	8,0	10,0		8,5	7,3	8,3	Học giỏi, ý thức học tốt.
6	Nguyễn Ngọc Cơ	10,0	10,0	10,0	10,0		9,0	8,5	9,3	Học tốt, tinh thần tự học cao.
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	8,0	8,0	7,0	9,0		6,0	5,0	6,6	Ngoan, có cố gắng trong học tập.
8	Đỗ Phát Đạt	10,0	10,0	7,0	7,0		5,5	5,5	6,8	Học khá, có cố gắng.
9	Nguyễn Minh Đức	9,0	8,0	7,0	9,0		5,0	5,3	6,5	Ngoan, có cố gắng.
10	Lê Thị Ngọc Hân	10,0	5,0	7,0	8,0		4,0	4,3	5,7	Có cố gắng.
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	8,0	6,0	7,0	8,0		6,0	5,0	6,2	Có cố gắng.
12	Kiều Thị Lan Hương	10,0	8,0	8,0	9,0		7,0	5,8	7,4	Học khá, có tiến bộ.
13	Ngô An Khang	8,0	7,0	7,0	9,0		7,8	5,3	6,9	Ngoan, có cố gắng học.
14	Nguyễn Tấn Khanh	10,0	9,0	10,0	10,0		8,5	8,0	8,9	Học giỏi, có trách nhiệm, tích cực học.
15	Nguyễn Tấn Kiệt	9,0	7,0	5,0	9,0		5,0	4,0	5,8	Ngoan, có cố gắng.
16	Trần Thành Kiệt	9,0	8,0	8,0	9,0		8,0	7,8	8,2	Học giỏi.
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	9,0	8,0	6,0	8,0		5,8	6,5	6,9	Ngoan, có cố gắng.
18	Trần Thanh Mai	10,0	8,0	8,0	9,0		9,0	8,0	8,6	Học giỏi, ý thức học tốt.
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	10,0	10,0	10,0	10,0		9,0	9,0	9,4	Học tốt, tích cực và tinh thần tự học cao.
20	Nguyễn Hồng Ngân	9,0	6,0	8,0	9,0		4,5	5,0	6,2	Ngoan, có cố gắng trong học tập.
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	6,0	7,0	10,0		6,5	8,0	7,7	Học khá, tích cực trong học tập
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	7,0	4,0	9,0	6,0		3,5	4,0	5,0	Ngoan, cần cố gắng nhiều trong học tập.
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	9,0	9,0	9,0	9,0		6,0	5,0	7,0	Học khá, có tiến bộ trong học tập.
24	Phan Thị Kim Oanh	9,0	9,0	7,0	10,0		7,3	5,8	7,4	Học khá, tích cực trong học tập
25	Lê Phong Phú	8,0	6,0	9,0	7,0		4,5	5,0	6,0	Ngoan, có cố gắng trong học tập.
26	Ngô Thị Trúc Phương	9,0	9,0	8,0	10,0		6,0	7,0	7,7	Học khá, có tiến bộ nhiều.
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7,0	9,0	10,0	9,0		6,0	5,5	7,1	Học khá, chăm.
28	Cao Thanh Thắng	4,0	0,0	3,0	0,0		4,5	2,5	2,6	Cần cố gắng nhiều.
29	Nguyễn Công Thoại	10,0	10,0	8,0	9,0		7,8	9,0	8,8	Học giỏi, tích cực trong học tập.
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	9,0	6,0	8,0	10,0		5,5	5,0	6,6	Ngoan, có cố gắng trong học tập.
31	Nguyễn Thị Anh Thư	8,0	7,0	9,0	7,0		4,5	3,5	5,6	Ngoan, có cố gắng.
32	Nguyễn Thị Kim Thư	10,0	10,0	9,0	10,0		7,3	8,5	8,8	Học giỏi, ý thức học tốt.
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	9,0	9,0	7,0	9,0		4,5	4,5	6,3	Ngoan, có cố gắng trong học tập.
34	Đào Thị Mỹ Tiên	9,0	9,0	9,0	10,0		8,5	9,0	9,0	Học tốt, chăm tích cực học.
35	Nguyễn Bình Tính	6,0	7,0	5,0	8,0		5,8	3,5	5,3	Ngoan, có cố gắng.
36	Nguyễn Phong Toàn	10,0	8,0	7,0	8,0		6,0	5,3	6,8	Ngoan, có tiến bộ.
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	9,0	9,0	8,0	9,0		6,8	7,8	8,0	Học giỏi, chăm.
38	Lê Thị Huyền Trân	9,0	6,0	7,0	10,0		3,5	5,0	6,0	Ngoan, có cố gắng.
39	Mai Trần Huyền Trân	10,0	10,0	10,0	9,0		8,0	7,0	8,4	Học giỏi, ý thức học tốt, có trách nhiệm cao.
40	Trần Thanh Tuyết	9,0	9,0	9,0	10,0		7,3	6,8	8,0	Học giỏi, ngoan, có cố gắng.
41	Huỳnh Lê Vy	7,0	8,0	7,0	6,0		5,5	5,0	6,0	Ngoan, có cố gắng trong học tập.
42	Trương Thảo Vy	7,0	6,0	7,0	9,0		5,5	6,8	6,7	Ngoan, có cố gắng trong học tập.
43	Đỗ Ngọc Như Ý	10,0	10,0	9,0	10,0		9,0	8,0	9,0	Chăm, ngoan, ý thức học tốt, tinh thần tự học cao.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Xuân

HỌC KỲ I											
Vật lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Cao Nguyễn Tường An	8,0	7,0	7,0			8,5	5,8	7,1	Học khá, chăm ngoan.	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	8,0	6,0			7,0	9,5	8,1	Học tốt, chăm, ngoan.	
3	Nguyễn Quốc Anh	7,0	6,0	7,0			6,3	6,5	6,5	Học khá, chăm ngoan.	
4	Nguyễn Chí Bảo	6,0	4,0	3,0			6,0	5,0	5,0	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
5	Phan Thị Kim Chi	10,0	9,0	9,0			8,8	9,0	9,1	Xuất sắc, chăm ngoan.	
6	Nguyễn Ngọc Cơ	10,0	10,0	10,0			8,5	8,0	8,9	Học tốt, chăm, ngoan.	
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	7,0	6,0	6,0			6,0	4,3	5,5	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
8	Đỗ Phát Đạt	6,0	7,0	6,0			7,3	4,8	6,0	Học khá, có cố gắng.	
9	Nguyễn Minh Đức	8,0	4,0	3,0			7,3	5,3	5,7	Học khá, có cố gắng.	
10	Lê Thị Ngọc Hân	8,0	6,0	4,0			5,5	6,3	6,0	Học khá, có cố gắng.	
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	6,0	4,0	4,0			6,5	5,3	5,4	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
12	Kiều Thị Lan Hương	8,0	6,0	5,0			5,5	5,3	5,7	Học khá, có cố gắng.	
13	Ngô An Khang	5,0	6,0	6,0			6,8	6,0	6,1	Học khá, có cố gắng.	
14	Nguyễn Tấn Khanh	10,0	10,0	10,0			8,8	9,8	9,6	Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.	
15	Nguyễn Tấn Kiệt	7,0	4,0	3,0			6,3	4,5	5,0	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
16	Trần Thành Kiệt	7,0	9,0	8,0			6,5	6,5	7,1	Học khá, chăm ngoan.	
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	6,0	4,0	7,0			6,5	5,5	5,8	Học đạt, có cố gắng.	
18	Trần Thanh Mai	9,0	9,0	9,0			9,0	9,8	9,3	Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.	
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	10,0	10,0	10,0			8,5	8,8	9,2	Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.	
20	Nguyễn Hồng Ngân	8,0	6,0	6,0			5,0	6,3	6,1	Học khá, chăm ngoan.	
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	7,0	9,0			7,0	6,5	7,3	Học khá, chăm ngoan.	
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	8,0	3,0	3,0			6,3	5,0	5,2	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	8,0	6,0	5,0			3,8	4,5	5,0	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
24	Phan Thị Kim Oanh	7,0	7,0	8,0			8,3	6,0	7,1	Học khá, chăm ngoan.	
25	Lê Phong Phú	8,0	5,0	4,0			5,8	6,8	6,1	Học khá, chăm ngoan.	
26	Ngô Thị Trúc Phương	7,0	5,0	5,0			4,0	5,3	5,1	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7,0	7,0	7,0			7,0	7,0	7,0	Học khá, chăm ngoan.	
28	Cao Thanh Thắng	1,0	4,0	5,0			5,0	4,8	4,3	Chưa đạt, cần có ý thức học tập hơn.	
29	Nguyễn Công Thoại	7,0	7,0	8,0			7,5	7,8	7,6	Học khá, chăm ngoan.	
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	8,0	6,0	3,0			6,8	5,0	5,7	Học khá, có cố gắng.	
31	Nguyễn Thị Anh Thư	8,0	4,0	4,0			7,3	5,5	5,9	Học khá, có cố gắng.	
32	Nguyễn Thị Kim Thư	8,0	7,0	7,0			8,5	8,0	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	8,0	5,0	5,0			6,8	7,3	6,7	Học khá, chăm ngoan.	
34	Đào Thị Mỹ Tiên	10,0	7,0	9,0			8,3	7,5	8,1	Học tốt chăm, ngoan.	
35	Nguyễn Bình Tĩnh	6,0	7,0	7,0			8,3	5,0	6,5	Học khá, có cố gắng.	
36	Nguyễn Phong Toàn	7,0	5,0	3,0			7,5	6,8	6,3	Học khá, có cố gắng.	
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	9,0	7,0	8,0			7,0	6,3	7,1	Học khá, chăm ngoan.	
38	Lê Thị Huyền Trân	8,0	6,0	4,0			5,5	4,5	5,3	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
39	Mai Trần Huyền Trân	9,0	7,0	7,0			7,0	7,0	7,3	Học khá, chăm ngoan.	
40	Trần Thanh Tuyết	7,0	8,0	6,0			8,5	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan.	
41	Huỳnh Lê Vy	8,0	5,0	5,0			7,0	6,5	6,4	Học khá, có cố gắng.	
42	Trương Thảo Vy	8,0	5,0	5,0			7,0	7,0	6,6	Học khá, có cố gắng.	
43	Đỗ Ngọc Như Ý	8,0	6,0	6,0			8,0	7,0	7,1	Học khá, chăm ngoan.	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

HÓA HỌC (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGc	ĐTB mhh	Ghi Chú		
1	Cao Nguyễn Tường An	7,0	9,0	8,0			5,5	6,8	6,9	Học khá, cần cố gắng.		
2	Nguyễn Thị Lan Anh	10,0	10,0	8,0			9,0	10,0	9,5	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
3	Nguyễn Quốc Anh	10,0	10,0	8,0			10,0	10,0	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
4	Nguyễn Chí Bảo	8,0	9,0	8,0			6,5	9,3	8,2	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
5	Phan Thị Kim Chi	10,0	10,0	8,0			10,0	9,8	9,7	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
6	Nguyễn Ngọc Cơ	10,0	10,0	9,0			10,0	10,0	9,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	9,0	5,0	8,0			7,0	4,0	6,0	Học được, cần cố gắng hơn.		
8	Đỗ Phát Đạt	9,0	9,0	8,0			7,5	7,3	7,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
9	Nguyễn Minh Đức	8,0	9,0	8,0			8,0	8,0	8,1	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
10	Lê Thị Ngọc Hân	8,0	6,0	8,0			6,5	3,8	5,8	Học được, cần cố gắng hơn.		
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	9,0	9,0	8,0			6,5	6,5	7,3	Học khá, cần cố gắng.		
12	Kiều Thị Lan Hương	8,0	7,0	8,0			6,5	6,5	6,9	Học khá, cần cố gắng.		
13	Ngô An Khang	6,0	7,0	8,0			4,5	7,0	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.		
14	Nguyễn Tấn Khanh	10,0	6,0	9,0			7,5	5,8	7,2	Học khá, cần cố gắng.		
15	Nguyễn Tấn Kiệt	9,0	6,0	8,0			6,5	4,3	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.		
16	Trần Thành Kiệt	9,0	8,0	8,0			7,5	7,5	7,8	Học khá, cần cố gắng.		
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	10,0	7,0	8,0			7,5	5,0	6,9	Học khá, cần cố gắng.		
18	Trần Thanh Mai	9,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,3	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	10,0	10,0	9,0			10,0	10,0	9,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
20	Nguyễn Hồng Ngân	8,0	8,0	8,0			8,0	8,8	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	10,0	8,0			7,5	9,5	8,8	Học giỏi, chăm ngoan.		
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	9,0	5,0	8,0			6,5	3,0	5,5	Học được, cần cố gắng hơn.		
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	9,0	8,0	8,0			8,0	7,3	7,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
24	Phan Thị Kim Oanh	10,0	10,0	9,0			10,0	10,0	9,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
25	Lê Phong Phú	8,0	7,0	8,0			7,0	6,0	6,9	Học khá, cần cố gắng.		
26	Ngô Thị Trúc Phương	9,0	10,0	8,0			8,0	8,8	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10,0	9,0	8,0			9,0	9,0	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
28	Cao Thanh Thắng	5,0	2,0	5,0			3,5	1,3	2,9	Học rất yếu, cần cố gắng hơn rất nhiều.		
29	Nguyễn Công Thoại	9,0	9,0	8,0			6,5	8,3	8,0	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	7,0	9,0	8,0			7,0	9,0	8,1	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
31	Nguyễn Thị Anh Thư	8,0	6,0	8,0			6,5	6,3	6,7	Học khá, cần cố gắng hơn.		
32	Nguyễn Thị Kim Thư	9,0	9,0	9,0			8,5	9,3	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	8,0	9,0	8,0			7,0	9,0	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
34	Đào Thị Mỹ Tiên	8,0	10,0	8,0			7,5	9,8	8,8	Học giỏi, chăm ngoan.		
35	Nguyễn Bình Tinh	8,0	8,0	8,0			7,5	5,5	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn.		
36	Nguyễn Phong Toàn	10,0	10,0	8,0			10,0	10,0	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	10,0	9,0	8,0			8,0	9,0	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
38	Lê Thị Huyền Trân	10,0	8,0	8,0			8,5	7,8	8,3	Học giỏi, chăm ngoan.		
39	Mai Trần Huyền Trân	8,0	7,0	8,0			6,0	6,8	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn.		
40	Trần Thanh Tuyết	9,0	8,0	8,0			7,5	8,0	8,0	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
41	Huỳnh Lê Vy	10,0	9,0	8,0			8,0	9,0	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
42	Trương Thảo Vy	9,0	10,0	8,0			8,5	8,3	8,6	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
43	Đỗ Ngọc Như Ý	9,0	9,0	8,0			8,5	9,3	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Cao Nguyễn Tường An	10,0	4,0	7,0			7,0	7,8	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập		
2	Nguyễn Thị Lan Anh	9,0	9,0	8,0			7,8	8,5	8,4	học tốt, ngoan		
3	Nguyễn Quốc Anh	9,0	5,0	6,0			4,0	6,0	5,8	có cố gắng trong học tập		
4	Nguyễn Chí Bảo	10,0	3,0	7,0			4,0	8,3	6,6	có cố gắng trong học tập		
5	Phan Thị Kim Chi	9,0	9,0	6,0			6,8	7,8	7,6	học khá, có cố gắng trong học tập		
6	Nguyễn Ngọc Cơ	9,0	5,0	6,0			5,0	9,0	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập		
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	9,0	4,0	7,0			6,3	7,8	7,0	học khá, có cố gắng trong học tập		
8	Đỗ Phát Đạt	9,0	4,0	8,0			4,8	6,0	6,1	có cố gắng trong học tập		
9	Nguyễn Minh Đức	10,0	4,0	7,0			3,3	7,8	6,4	có cố gắng trong học tập		
10	Lê Thị Ngọc Hân	9,0	8,0	8,0			7,6	6,3	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập		
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	10,0	8,0	6,0			6,8	6,5	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập		
12	Kiều Thị Lan Hương	10,0	7,0	8,0			5,8	7,8	7,5	học khá, có cố gắng trong học tập		
13	Ngô An Khang	7,0	6,0	7,0			7,3	6,0	6,6	có cố gắng trong học tập		
14	Nguyễn Tấn Khanh	10,0	9,0	6,0			6,5	7,0	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập		
15	Nguyễn Tấn Kiệt	8,0	8,0	7,0			5,3	7,0	6,8	có cố gắng trong học tập		
16	Trần Thành Kiệt	9,0	7,0	8,0			7,0	8,0	7,8	học khá, có cố gắng trong học tập		
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	8,0	5,0	6,0			6,0	6,8	6,4	có cố gắng trong học tập		
18	Trần Thanh Mai	10,0	4,0	7,0			5,6	7,3	6,8	học khá, có cố gắng trong học tập		
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	9,0	5,0	6,0			8,0	9,0	7,9	học khá, có cố gắng trong học tập		
20	Nguyễn Hồng Ngân	10,0	7,0	6,0			7,0	8,8	7,9	học khá, có cố gắng trong học tập		
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	7,0	8,0			6,8	8,5	7,9	học khá, có cố gắng trong học tập		
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	9,0	7,0	7,0			7,8	7,0	7,5	học khá, có cố gắng trong học tập		
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	9,0	4,0	7,0			5,8	8,3	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập		
24	Phan Thị Kim Oanh	9,0	5,0	6,0			6,8	8,3	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập		
25	Lê Phong Phú	9,0	6,0	7,0			5,0	6,0	6,3	có cố gắng trong học tập		
26	Ngô Thị Trúc Phương	9,0	4,0	8,0			4,8	7,8	6,8	có cố gắng trong học tập		
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	4,0	7,0			7,0	5,0	6,1	có cố gắng trong học tập		
28	Cao Thanh Thắng	8,0	6,0	6,0			7,8	5,3	6,4	có cố gắng trong học tập		
29	Nguyễn Công Thoại	9,0	7,0	8,0			6,0	8,8	7,8	học khá, có cố gắng trong học tập		
30	Nguyễn Lê Xuân Thuỳ	9,0	3,0	8,0			6,0	5,0	5,9	có cố gắng trong học tập		
31	Nguyễn Thị Anh Thư	9,0	8,0	7,0			7,8	6,3	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập		
32	Nguyễn Thị Kim Thư	9,0	6,0	6,0			6,8	7,8	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập		
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	10,0	4,0	6,0			4,0	8,8	6,8	có cố gắng trong học tập		
34	Đào Thị Mỹ Tiên	10,0	4,0	6,0			6,3	7,3	6,8	có cố gắng trong học tập		
35	Nguyễn Bình Tinh	10,0	7,0	7,0			6,3	6,5	7,0	học khá, có cố gắng trong học tập		
36	Nguyễn Phong Toàn	10,0	7,0	6,0			7,8	7,0	7,5	học khá, có cố gắng trong học tập		
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	10,0	9,0	7,0			6,8	8,8	8,3	học tốt, ngoan		
38	Lê Thị Huyền Trân	10,0	6,0	7,0			5,8	8,3	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập		
39	Mai Trần Huyền Trân	10,0	6,0	6,0			5,5	8,0	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập		
40	Trần Thanh Tuyết	9,0	6,0	6,0			6,8	7,8	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập		
41	Huỳnh Lê Vy	9,0	8,0	7,0			6,8	6,8	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập		
42	Trương Thảo Vy	10,0	8,0	7,0			6,8	7,5	7,6	học khá, có cố gắng trong học tập		
43	Đỗ Ngọc Như Ý	10,0	6,0	7,0			5,8	8,3	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Linh, Phạm Thị Thu

HỌC KỲ I											
Ngữ văn											
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Cao Nguyễn Tường An	7,0	8,0	9,0	8,0		8,0	7,0	7,7	Học khá, chăm ngoan	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	7,0	9,0	8,0		8,0	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan	
3	Nguyễn Quốc Anh	6,0	8,0	6,0	6,0		6,5	6,5	6,5	Học khá, chăm ngoan	
4	Nguyễn Chí Bảo	6,0	8,0	7,0	8,0		7,5	7,0	7,2	Học khá, chăm ngoan	
5	Phan Thị Kim Chi	8,0	8,0	9,0	8,0		8,0	8,0	8,1	Học tốt, chăm ngoan	
6	Nguyễn Ngọc Cơ	6,0	8,0	9,0	9,0		8,5	8,5	8,3	Học tốt, chăm ngoan	
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	7,0	8,0	7,0	7,0		6,5	6,5	6,8	Học khá, chăm ngoan	
8	Đỗ Phát Đạt	5,0	7,0	6,0	8,0		7,0	7,5	6,9	Học khá, chăm ngoan	
9	Nguyễn Minh Đức	6,0	8,0	7,0	8,0		7,5	7,5	7,4	Học khá, chăm ngoan	
10	Lê Thị Ngọc Hân	5,0	7,0	8,0	7,0		7,5	7,0	7,0	Học khá, chăm ngoan	
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	5,0	6,0	7,0	8,0		6,5	5,5	6,2	Học được, cần cố gắng trong học tập	
12	Kiều Thị Lan Hương	6,0	8,0	8,0	7,0		7,0	6,5	6,9	Học khá, chăm ngoan	
13	Ngô An Khang	6,0	7,0	5,0	6,0		5,0	5,5	5,6	Học được, cần cố gắng trong học tập	
14	Nguyễn Tấn Khanh	8,0	9,0	8,0	9,0		8,5	7,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan	
15	Nguyễn Tấn Kiệt	5,0	6,0	7,0	8,0		6,5	7,0	6,7	Học khá, chăm ngoan	
16	Trần Thành Kiệt	5,0	7,0	8,0	8,0		7,0	7,0	7,0	Học khá, chăm ngoan	
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	5,0	6,0	7,0	7,0		6,5	5,0	5,9	Học được, cần cố gắng trong học tập	
18	Trần Thanh Mai	6,0	9,0	9,0	8,0		7,0	6,5	7,3	Học khá, chăm ngoan	
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	6,0	9,0	8,0	8,0		7,5	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan	
20	Nguyễn Hồng Ngân	6,0	7,0	7,0	7,0		7,5	7,5	7,2	Học khá, chăm ngoan	
21	Ngô Bảo Nghi	6,0	8,0	8,0	7,0		7,5	7,5	7,4	Học khá, chăm ngoan	
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	7,0	7,0	8,0	7,0		7,0	7,0	7,1	Học khá, chăm ngoan	
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	6,0	8,0	7,0	8,0		6,5	6,0	6,7	Học khá, chăm ngoan	
24	Phan Thị Kim Oanh	5,0	6,0	7,0	7,0		7,0	7,5	6,8	Học khá, chăm ngoan	
25	Lê Phong Phú	6,0	8,0	8,0	7,0		8,0	7,5	7,5	Học khá, chăm ngoan	
26	Ngô Thị Trúc Phương	7,0	8,0	9,0	8,0		7,0	5,5	6,9	Học khá, chăm ngoan	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	6,0	7,0	8,0	8,0		8,0	7,0	7,3	Học khá, chăm ngoan	
28	Cao Thanh Thắng	4,0	4,0	3,0	3,0		4,0	4,0	3,8	Cần cố gắng nhiều trong học tập	
29	Nguyễn Công Thoại	5,0	7,0	8,0	8,0		6,5	7,5	7,1	Học khá, chăm ngoan	
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	8,0	6,0	7,0	8,0		7,5	6,0	6,9	Học khá, chăm ngoan	
31	Nguyễn Thị Anh Thư	7,0	5,0	6,0	7,0		7,0	7,5	6,8	Học khá, chăm ngoan	
32	Nguyễn Thị Kim Thư	7,0	8,0	8,0	7,0		7,5	7,0	7,3	Học khá, chăm ngoan	
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	6,0	7,0	7,0	8,0		7,5	7,0	7,1	Học khá, chăm ngoan	
34	Đào Thị Mỹ Tiên	7,0	8,0	8,0	9,0		8,0	6,5	7,5	Học khá, chăm ngoan	
35	Nguyễn Bình Tĩnh	7,0	6,0	8,0	7,0		5,5	4,5	5,8	Học được, cần cố gắng trong học tập	
36	Nguyễn Phong Toàn	6,0	7,0	8,0	7,0		7,0	5,5	6,5	Học khá, chăm ngoan	
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	6,0	9,0	8,0	9,0		8,0	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan	
38	Lê Thị Huyền Trân	6,0	9,0	8,0	8,0		8,0	8,5	8,1	Học tốt, chăm ngoan	
39	Mai Trần Huyền Trân	7,0	8,0	7,0	8,0		7,0	6,0	6,9	Học khá, chăm ngoan	
40	Trần Thanh Tuyết	7,0	7,0	8,0	8,0		8,0	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan	
41	Huỳnh Lê Vy	5,0	7,0	8,0	8,0		7,5	7,5	7,3	Học khá, chăm ngoan	
42	Trương Thảo Vy	8,0	9,0	8,0	9,0		8,5	7,0	8,0	Học giỏi, chăm ngoan	
43	Đỗ Ngọc Như Ý	6,0	7,0	8,0	7,0		7,5	5,5	6,6	Học khá, chăm ngoan	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

HỌC KỲ I

Lịch sử

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Cao Nguyễn Tường An	8,0	9,0	9,0			7,0	9,5	8,6	Học tốt chăm ngoan
2	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	9,0	9,0			7,3	10,0	8,8	Học tốt chăm ngoan
3	Nguyễn Quốc Anh	8,0	9,0	9,0			7,0	8,3	8,1	Học tốt chăm ngoan
4	Nguyễn Chí Bảo	7,0	10,0	8,0			9,3	7,8	8,4	Học tốt chăm ngoan
5	Phan Thị Kim Chi	8,0	9,0	9,0			10,0	10,0	9,5	Học tốt chăm ngoan
6	Nguyễn Ngọc Cơ	8,0	9,0	9,0			8,5	9,8	9,1	Học tốt chăm ngoan
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	8,0	9,0	9,0			8,3	5,8	7,5	Học khá
8	Đỗ Phát Đạt	7,0	9,0	9,0			7,3	7,8	7,9	Cần cố gắng ở HK 2
9	Nguyễn Minh Đức	7,0	10,0	8,0			9,5	9,0	8,9	Học tốt chăm ngoan
10	Lê Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	9,0			6,3	9,0	8,2	Học tốt chăm ngoan
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	8,0	7,0	6,0			7,8	7,3	7,3	Học khá
12	Kiều Thị Lan Hương	8,0	10,0	9,0			8,5	9,3	9,0	Học tốt chăm ngoan
13	Ngô An Khang	8,0	7,0	8,0			7,5	6,3	7,1	Học khá
14	Nguyễn Tấn Khanh	7,0	10,0	9,0			6,8	9,3	8,4	Học tốt chăm ngoan
15	Nguyễn Tấn Kiệt	8,0	8,0	7,0			4,3	6,5	6,4	Cần cố gắng
16	Trần Thành Kiệt	8,0	7,0	8,0			8,3	10,0	8,7	Học tốt chăm ngoan
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	8,0	7,0	8,0			7,5	8,5	7,9	Cần cố gắng ở HK 2
18	Trần Thanh Mai	8,0	10,0	9,0			9,5	10,0	9,5	Học tốt chăm ngoan
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	8,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,1	Học tốt chăm ngoan
20	Nguyễn Hồng Ngân	8,0	10,0	9,0			9,3	9,5	9,3	Học tốt chăm ngoan
21	Ngô Bảo Nghi	8,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,1	Học tốt chăm ngoan
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	9,0	9,0	6,0			4,3	8,3	7,2	Học khá
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	8,0	9,0	9,0			8,3	8,8	8,6	Học tốt chăm ngoan
24	Phan Thị Kim Oanh	8,0	9,0	9,0			7,5	9,0	8,5	Học tốt chăm ngoan
25	Lê Phong Phú	8,0	8,0	6,0			8,5	7,8	7,8	Cần cố gắng ở HK 2
26	Ngô Thị Trúc Phương	8,0	9,0	9,0			7,5	9,8	8,8	Học tốt chăm ngoan
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	9,0	8,0			8,8	9,8	9,0	Học tốt chăm ngoan
28	Cao Thanh Thắng	6,0	1,0	5,0			2,8	6,8	4,8	Cần cố gắng
29	Nguyễn Công Thoại	8,0	8,0	9,0			9,3	9,8	9,1	Học tốt chăm ngoan
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	8,0	9,0	9,0			8,5	9,8	9,1	Học tốt chăm ngoan
31	Nguyễn Thị Anh Thư	9,0	9,0	6,0			7,3	8,5	8,0	Học tốt chăm ngoan
32	Nguyễn Thị Kim Thư	8,0	9,0	9,0			6,8	8,8	8,3	Học tốt chăm ngoan
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	8,0	10,0	9,0			7,8	9,3	8,8	Học tốt chăm ngoan
34	Đào Thị Mỹ Tiên	8,0	9,0	9,0			9,8	9,3	9,2	Học tốt chăm ngoan
35	Nguyễn Bình Tinh	8,0	8,0	5,0			8,3	8,8	8,0	Học tốt chăm ngoan
36	Nguyễn Phong Toàn	8,0	10,0	8,0			7,0	8,8	8,3	Học tốt chăm ngoan
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	8,0	9,0	9,0			8,5	9,5	8,9	Học tốt chăm ngoan
38	Lê Thị Huyền Trân	8,0	10,0	9,0			10,0	9,5	9,4	Học tốt chăm ngoan
39	Mai Trần Huyền Trân	8,0	10,0	9,0			9,5	10,0	9,5	Học tốt chăm ngoan
40	Trần Thanh Tuyết	8,0	9,0	9,0			8,3	10,0	9,1	Học tốt chăm ngoan
41	Huỳnh Lê Vy	8,0	9,0	9,0			8,0	9,8	8,9	Học tốt chăm ngoan
42	Trương Thảo Vy	9,0	9,0	9,0			8,0	9,3	8,9	Học tốt chăm ngoan
43	Đỗ Ngọc Như Ý	8,0	10,0	9,0			9,3	9,8	9,4	Học tốt chăm ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

HỌC KỲ I

Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Cao Nguyễn Tường An	9,0	7,0	6,5	10,0		5,0	6,6	6,9	Học khá, chăm
2	Nguyễn Thị Lan Anh	9,0	9,0	9,5	10,0		6,5	6,8	7,9	Học khá, chăm,ngoan
3	Nguyễn Quốc Anh	9,0	10,0	6,5	7,0		3,2	5,0	6,0	Học được, ngoan
4	Nguyễn Chí Bảo	10,0	4,0	7,5	3,0		2,0	5,6	5,0	Học được, cần cố gắng thêm
5	Phan Thị Kim Chi	9,0	9,0	9,0	10,0		5,8	7,2	7,8	Học khá, chăm,ngoan
6	Nguyễn Ngọc Cơ	9,0	10,0	9,0	10,0		8,3	7,8	8,7	Giỏi, chăm, ngoan
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	9,0	9,0	4,5	10,0		3,6	7,0	6,7	Khá, chăm
8	Đỗ Phát Đạt	3,0	8,0	5,0	4,0		3,4	6,0	5,0	Học được, cần cố gắng thêm
9	Nguyễn Minh Đức	9,0	10,0	5,0	10,0		5,0	5,6	6,8	Khá, chăm
10	Lê Thị Ngọc Hân	8,0	5,0	7,5	5,0		8,3	5,4	6,5	Khá, chăm
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	5,0	6,0	10,0	3,0		7,3	6,0	6,3	Học được, chăm
12	Kiều Thị Lan Hương	9,0	9,0	9,5	10,0		6,0	5,4	7,3	Học khá, chăm,ngoan
13	Ngô An Khang	9,0	5,5	10,0	8,0		5,0	4,8	6,3	Học được, chăm
14	Nguyễn Tấn Khanh	9,0	9,0	9,5	10,0		7,0	5,8	7,7	Học khá, chăm,ngoan
15	Nguyễn Tấn Kiệt	3,0	5,5	10,0	3,0		5,8	5,0	5,3	Học được, cần cố gắng thêm
16	Trần Thành Kiệt	9,0	9,5	10,0	3,0		6,3	6,0	6,9	Khá, chăm
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	9,0	7,0	10,0	4,0		4,2	6,2	6,3	Học được, chăm
18	Trần Thanh Mai	9,0	6,5	8,5	10,0		5,5	7,2	7,4	Học khá, chăm,ngoan
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	9,0	10,0	9,5	10,0		7,0	6,8	8,1	Giỏi, chăm, ngoan
20	Nguyễn Hồng Ngân	9,0	9,5	10,0	3,0		5,0	5,0	6,3	Học được, chăm
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	9,0	9,0	10,0		6,2	7,0	7,8	Học khá, chăm,ngoan
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	4,5	10,0	9,5	10,0		3,5	4,8	6,2	Học được, chăm
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	8,0	9,0	10,0	5,5		3,0	4,6	5,8	Học được, cần cố gắng thêm
24	Phan Thị Kim Oanh	9,0	9,0	9,5	10,0		2,6	6,2	6,8	Khá, chăm
25	Lê Phong Phú	8,0	8,5	7,5	3,0		3,6	4,0	5,1	Học được, cần cố gắng thêm
26	Ngô Thị Trúc Phương	7,0	3,5	10,0	7,0		4,0	6,2	6,0	Học được, chăm
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	9,0	7,5	9,0		7,5	6,5	7,7	Học khá, chăm,ngoan
28	Cao Thanh Thắng	8,5	5,0	4,0	3,0		3,0	3,0	3,9	Chưa cố gắng, cần cố gắng nhiều hơn ở HKII
29	Nguyễn Công Thoại	9,0	9,5	10,0	4,0		4,8	5,5	6,5	Khá, chăm
30	Nguyễn Lê Xuân Thuỳ	9,0	9,0	7,5	6,5		3,8	6,5	6,6	Khá, chăm
31	Nguyễn Thị Anh Thư	9,0	9,5	10,0	3,5		3,3	4,2	5,7	Học được, cần cố gắng thêm
32	Nguyễn Thị Kim Thư	9,5	9,5	9,5	10,0		7,0	6,4	8,0	Giỏi, chăm, ngoan
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	7,0	3,0	10,0	5,5		4,4	4,2	5,2	Học được, cần cố gắng thêm
34	Đào Thị Mỹ Tiên	8,0	7,5	10,0	8,5		6,0	6,2	7,2	Học khá, chăm,ngoan
35	Nguyễn Bình Tinh	10,0	9,0	10,0	6,5		4,5	5,0	6,6	Khá, chăm
36	Nguyễn Phong Toàn	9,0	10,0	8,0	10,0		5,4	5,6	7,2	Học khá, chăm,ngoan
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	9,0	7,0	8,5	10,0		5,0	5,6	6,8	Khá, chăm
38	Lê Thị Huyền Trân	9,0	3,0	10,0	5,0		4,8	5,0	5,7	Học được, cần cố gắng thêm
39	Mai Trần Huyền Trân	9,0	7,0	5,5	10,0		4,5	4,5	6,0	Học được, chăm
40	Trần Thanh Tuyết	8,0	9,5	10,0	3,0		5,5	4,2	6,0	Học được, chăm
41	Huỳnh Lê Vy	10,0	9,5	10,0	4,0		4,8	5,8	6,7	Khá, chăm
42	Trương Thảo Vy	10,0	9,0	9,5	10,0		6,0	6,5	7,8	Học khá, chăm,ngoan
43	Đỗ Ngọc Như Ý	9,0	8,0	9,0	10,0		4,2	5,5	6,8	Khá, chăm

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Giang

HỌC KỲ I Giáo Dục Quốc Phòng (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTB mhh	Ghi Chú	
1	Cao Nguyễn Tường An	8,0	9,0				9,8	7,0	8,2	Học tốt.	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	9,0				9,8	9,3	9,2	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
3	Nguyễn Quốc Anh	8,0	8,0				8,5	6,3	7,4	Học khá.	
4	Nguyễn Chí Bảo	7,0	8,0				8,5	8,8	8,3	Học tốt.	
5	Phan Thị Kim Chi	8,0	9,0				10,0	8,5	8,9	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
6	Nguyễn Ngọc Cơ	9,0	9,0				10,0	9,5	9,5	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	7,0	8,0				9,5	8,3	8,4	Học tốt.	
8	Đỗ Phát Đạt	5,0	7,0				8,8	6,0	6,8	Cần cố gắng hơn ở hk2.	
9	Nguyễn Minh Đức	7,0	8,0				8,8	8,5	8,3	Học tốt.	
10	Lê Thị Ngọc Hân	9,0	9,0				8,3	6,5	7,7	Chăm ngoan, học khá.	
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	8,0	8,0				9,0	6,0	7,4	Học khá.	
12	Kiều Thị Lan Hương	9,0	8,0				9,0	7,8	8,3	Học tốt.	
13	Ngô An Khang	7,0	8,0				8,8	7,8	8,0	Học tốt.	
14	Nguyễn Tấn Khanh	9,0	9,0				10,0	8,3	9,0	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
15	Nguyễn Tấn Kiệt	7,0	8,0				8,8	4,5	6,6	Cần cố gắng hơn ở hk2.	
16	Trần Thành Kiệt	7,0	8,0				9,0	8,0	8,1	Học tốt.	
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	8,0	8,0				8,8	5,8	7,3	Học khá.	
18	Trần Thanh Mai	9,0	9,0				9,5	9,0	9,1	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	8,0	8,0				8,5	7,3	7,8	Chăm ngoan, học khá.	
20	Nguyễn Hồng Ngân	9,0	9,0				9,5	5,0	7,4	Học khá.	
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	9,0				9,3	7,8	8,6	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	5,0	7,0				9,5	7,8	7,8	Chăm ngoan, học khá.	
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	9,0	9,0				9,0	7,0	8,1	Học tốt.	
24	Phan Thị Kim Oanh	8,0	8,0				8,5	5,5	7,1	Học khá.	
25	Lê Phong Phú	7,0	8,0				8,5	6,3	7,3	Học khá.	
26	Ngô Thị Trúc Phương	5,0	7,0				9,5	8,8	8,2	Học tốt.	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0				8,8	6,3	7,6	Học khá.	
28	Cao Thanh Thắng	5,0	7,0				9,0	6,8	7,2	Học khá.	
29	Nguyễn Công Thoại	7,0	9,0				10,0	7,8	8,5	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	9,0	8,0				8,5	6,5	7,6	Học khá.	
31	Nguyễn Thị Anh Thư	7,0	8,0				8,8	6,5	7,4	Học khá.	
32	Nguyễn Thị Kim Thư	9,0	9,0				9,8	7,3	8,5	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	8,0	9,0				9,3	9,0	8,9	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
34	Đào Thị Mỹ Tiên	9,0	9,0				9,5	5,8	7,8	Chăm ngoan, học khá.	
35	Nguyễn Bình Tinh	7,0	8,0				8,8	7,0	7,7	Chăm ngoan, học khá.	
36	Nguyễn Phong Toàn	8,0	8,0				9,0	6,8	7,8	Chăm ngoan, học khá.	
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	8,0	9,0				10,0	7,0	8,3	Học tốt.	
38	Lê Thị Huyền Trân	9,0	9,0				9,5	6,8	8,2	Học tốt.	
39	Mai Trần Huyền Trân	9,0	9,0				9,3	8,0	8,7	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
40	Trần Thanh Tuyết	8,0	8,0				9,0	6,8	7,8	Chăm ngoan, học khá.	
41	Huỳnh Lê Vy	9,0	9,0				9,8	9,3	9,4	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
42	Trương Thảo Vy	8,0	9,0				10,0	8,3	8,8	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	
43	Đỗ Ngọc Như Ý	8,0	8,0				9,5	8,5	8,6	Học tốt, cần phát huy trong học tập.	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hằng

Công nghệ cơ khí HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Cao Nguyễn Tường An	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	10,0	8,0	9,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
3	Nguyễn Quốc Anh	7,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,2	Học khá, cần phát huy	
4	Nguyễn Chí Bảo	9,0	9,0	8,0			8,0	8,0	8,3	chăm ngoan, có cố gắng	
5	Phan Thị Kim Chi	10,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cần phát huy	
6	Nguyễn Ngọc Cơ	7,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,3	chăm ngoan, có cố gắng	
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	9,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cần phát huy	
8	Đỗ Phát Đạt	9,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
9	Nguyễn Minh Đức	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
10	Lê Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,4	chăm ngoan, có cố gắng	
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	8,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,4	chăm ngoan, có cố gắng	
12	Kiều Thị Lan Hương	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cần phát huy	
13	Ngô An Khang	8,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,4	chăm ngoan, có cố gắng	
14	Nguyễn Tấn Khanh	10,0	8,0	9,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
15	Nguyễn Tấn Kiệt	8,0	8,0	8,0			9,0	8,0	8,3	chăm ngoan, có cố gắng	
16	Trần Thành Kiệt	9,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,4	Học khá, cần phát huy	
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	8,0	8,0	9,0			9,0	7,5	8,2	chăm ngoan, có cố gắng	
18	Trần Thanh Mai	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	9,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cần phát huy	
20	Nguyễn Hồng Ngân	10,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,5	Học khá, cần phát huy	
21	Ngô Bảo Nghi	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cần phát huy	
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	9,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	10,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,5	Học khá, cần phát huy	
24	Phan Thị Kim Oanh	7,0	9,0	8,0			8,0	8,0	8,0	chăm ngoan, có cố gắng	
25	Lê Phong Phú	9,0	8,0	9,0			9,0	8,0	8,5	Học khá, cần phát huy	
26	Ngô Thị Trúc Phương	8,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,5	Học khá, cần phát huy	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10,0	9,0	8,0			8,0	8,0	8,4	chăm ngoan, có cố gắng	
28	Cao Thanh Thắng	6,0	8,0	8,0			9,0	8,0	8,0	chăm ngoan, có cố gắng	
29	Nguyễn Công Thoại	8,0	8,0	9,0			9,0	7,5	8,2	Học khá, cần phát huy	
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	10,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,6	Học khá, cần phát huy	
31	Nguyễn Thị Anh Thư	9,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,5	Học khá, cần phát huy	
32	Nguyễn Thị Kim Thư	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
34	Đào Thị Mỹ Tiên	10,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,5	Học khá, cần phát huy	
35	Nguyễn Bình Tinh	7,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
36	Nguyễn Phong Toàn	9,0	8,0	9,0			9,0	7,5	8,3	Học khá, cần phát huy	
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	8,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,3	Học khá, cần phát huy	
38	Lê Thị Huyền Trân	10,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
39	Mai Trần Huyền Trân	10,0	8,0	8,0			9,0	8,0	8,5	Học khá, cần phát huy	
40	Trần Thanh Tuyết	9,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,4	chăm ngoan, có cố gắng	
41	Huỳnh Lê Vy	9,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cần phát huy	
42	Trương Thảo Vy	8,0	8,0	9,0			9,0	8,0	8,4	chăm ngoan, có cố gắng	
43	Đỗ Ngọc Như Ý	10,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cần phát huy	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

Giáo dục thể chất HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)							Ghi Chú	
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Cao Nguyễn Tường An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
3	Nguyễn Quốc Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
4	Nguyễn Chí Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
5	Phan Thị Kim Chi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
6	Nguyễn Ngọc Cơ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
8	Đỗ Phát Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
9	Nguyễn Minh Đức	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
10	Lê Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
12	Kiều Thị Lan Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
13	Ngô An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
14	Nguyễn Tấn Khanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
15	Nguyễn Tấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
16	Trần Thành Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
18	Trần Thanh Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
20	Nguyễn Hồng Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
21	Ngô Bảo Nghi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
24	Phan Thị Kim Oanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
25	Lê Phong Phú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
26	Ngô Thị Trúc Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
28	Cao Thanh Thắng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
29	Nguyễn Công Thoại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
31	Nguyễn Thị Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
32	Nguyễn Thị Kim Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
34	Đào Thị Mỹ Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
35	Nguyễn Bình Tinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
36	Nguyễn Phong Toàn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
38	Lê Thị Huyền Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
39	Mai Trần Huyền Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
40	Trần Thanh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
41	Huỳnh Lê Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
42	Trương Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
43	Đỗ Ngọc Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hồng Hải

Giáo dục địa phương HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)							Ghi Chú	
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Cao Nguyễn Tường An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3	Nguyễn Quốc Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4	Nguyễn Chí Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
5	Phan Thị Kim Chi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
6	Nguyễn Ngọc Cơ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
8	Đỗ Phát Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
9	Nguyễn Minh Đức	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
10	Lê Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
12	Kiều Thị Lan Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
13	Ngô An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
14	Nguyễn Tấn Khanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
15	Nguyễn Tấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
16	Trần Thành Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
18	Trần Thanh Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
20	Nguyễn Hồng Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
21	Ngô Bảo Nghi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
24	Phan Thị Kim Oanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
25	Lê Phong Phú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
26	Ngô Thị Trúc Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
28	Cao Thanh Thắng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
29	Nguyễn Công Thoại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
31	Nguyễn Thị Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
32	Nguyễn Thị Kim Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
34	Đào Thị Mỹ Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
35	Nguyễn Bình Tinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
36	Nguyễn Phong Toàn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
38	Lê Thị Huyền Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
39	Mai Trần Huyền Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
40	Trần Thanh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
41	Huỳnh Lê Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
42	Trương Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
43	Đỗ Ngọc Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Ngân, Nguyễn Văn Hiện, Đinh Thị Hồng Lan

HĐTrN-HN
HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Cao Nguyễn Tường An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
3	Nguyễn Quốc Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
4	Nguyễn Chí Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
5	Phan Thị Kim Chi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
6	Nguyễn Ngọc Cơ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
8	Đỗ Phát Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
9	Nguyễn Minh Đức	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
10	Lê Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
12	Kiều Thị Lan Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
13	Ngô An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
14	Nguyễn Tấn Khanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
15	Nguyễn Tấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
16	Trần Thành Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
18	Trần Thanh Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
20	Nguyễn Hồng Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
21	Ngô Bảo Nghi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
24	Phan Thị Kim Oanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
25	Lê Phong Phú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
26	Ngô Thị Trúc Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
28	Cao Thanh Thắng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
29	Nguyễn Công Thoại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
31	Nguyễn Thị Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
32	Nguyễn Thị Kim Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
34	Đào Thị Mỹ Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
35	Nguyễn Bình Tinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
36	Nguyễn Phong Toàn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
38	Lê Thị Huyền Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
39	Mai Trần Huyền Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
40	Trần Thanh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
41	Huỳnh Lê Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
42	Trương Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
43	Đỗ Ngọc Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ cơ khí		
1	Cao Nguyễn Tường An	Đ	Đ	Đ	8,4	7,1	6,9	7,3	7,7	8,6	6,9	8,2	8,8	K	T
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ	Đ	7,7	8,1	9,5	8,4	8,0	8,8	7,9	9,2	8,6	T	T
3	Nguyễn Quốc Anh	Đ	Đ	Đ	7,6	6,5	9,8	5,8	6,5	8,1	6,0	7,4	8,2	K	T
4	Nguyễn Chí Bảo	Đ	Đ	Đ	6,5	5,0	8,2	6,6	7,2	8,4	5,0	8,3	8,3	K	T
5	Phan Thị Kim Chi	Đ	Đ	Đ	8,3	9,1	9,7	7,6	8,1	9,5	7,8	8,9	8,6	T	T
6	Nguyễn Ngọc Cơ	Đ	Đ	Đ	9,3	8,9	9,9	7,1	8,3	9,1	8,7	9,5	8,3	T	T
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	Đ	Đ	Đ	6,6	5,5	6,0	7,0	6,8	7,5	6,7	8,4	8,6	K	T
8	Đỗ Phát Đạt	Đ	Đ	Đ	6,8	6,0	7,9	6,1	6,9	7,9	5,0	6,8	8,6	K	T
9	Nguyễn Minh Đức	Đ	Đ	Đ	6,5	5,7	8,1	6,4	7,4	8,9	6,8	8,3	8,8	K	T
10	Lê Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	5,7	6,0	5,8	7,4	7,0	8,2	6,5	7,7	8,4	K	T
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	Đ	Đ	Đ	6,2	5,4	7,3	7,1	6,2	7,3	6,3	7,4	8,4	Đ	T
12	Kiều Thị Lan Hương	Đ	Đ	Đ	7,4	5,7	6,9	7,5	6,9	9,0	7,3	8,3	8,8	K	T
13	Ngô An Khang	Đ	Đ	Đ	6,9	6,1	6,4	6,6	5,6	7,1	6,3	8,0	8,4	Đ	T
14	Nguyễn Tấn Khanh	Đ	Đ	Đ	8,9	9,6	7,2	7,4	8,0	8,4	7,7	9,0	8,6	T	T
15	Nguyễn Tấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	5,8	5,0	6,1	6,8	6,7	6,4	5,3	6,6	8,3	Đ	T
16	Trần Thành Kiệt	Đ	Đ	Đ	8,2	7,1	7,8	7,8	7,0	8,7	6,9	8,1	8,4	K	T
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	6,9	5,8	6,9	6,4	5,9	7,9	6,3	7,3	8,2	Đ	T
18	Trần Thanh Mai	Đ	Đ	Đ	8,6	9,3	9,3	6,8	7,3	9,5	7,4	9,1	8,8	T	T
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	Đ	Đ	Đ	9,4	9,2	9,9	7,9	7,6	9,1	8,1	7,8	8,6	T	T
20	Nguyễn Hồng Ngân	Đ	Đ	Đ	6,2	6,1	8,3	7,9	7,2	9,3	6,3	7,4	8,5	K	T
21	Ngô Bảo Nghi	Đ	Đ	Đ	7,7	7,3	8,8	7,9	7,4	9,1	7,8	8,6	8,8	K	T
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	Đ	Đ	Đ	5,0	5,2	5,5	7,5	7,1	7,2	6,2	7,8	8,6	Đ	K
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Đ	Đ	Đ	7,0	5,0	7,9	7,1	6,7	8,6	5,8	8,1	8,5	K	T
24	Phan Thị Kim Oanh	Đ	Đ	Đ	7,4	7,1	9,9	7,3	6,8	8,5	6,8	7,1	8,0	K	T
25	Lê Phong Phú	Đ	Đ	Đ	6,0	6,1	6,9	6,3	7,5	7,8	5,1	7,3	8,5	Đ	T
26	Ngô Thị Trúc Phương	Đ	Đ	Đ	7,7	5,1	8,7	6,8	6,9	8,8	6,0	8,2	8,5	K	T
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	7,1	7,0	9,0	6,1	7,3	9,0	7,7	7,6	8,4	K	T
28	Cao Thanh Thắng	Đ	Đ	Đ	2,6	4,3	2,9	6,4	3,8	4,8	3,9	7,2	8,0	CĐ	Đ
29	Nguyễn Công Thoại	Đ	Đ	Đ	8,8	7,6	8,0	7,8	7,1	9,1	6,5	8,5	8,2	K	T
30	Nguyễn Lê Xuân Thuỳ	Đ	Đ	Đ	6,6	5,7	8,1	5,9	6,9	9,1	6,6	7,6	8,6	K	T
31	Nguyễn Thị Anh Thư	Đ	Đ	Đ	5,6	5,9	6,7	7,3	6,8	8,0	5,7	7,4	8,5	K	T
32	Nguyễn Thị Kim Thư	Đ	Đ	Đ	8,8	7,9	9,0	7,3	7,3	8,3	8,0	8,5	8,8	T	T
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ	Đ	6,3	6,7	8,3	6,8	7,1	8,8	5,2	8,9	8,8	K	T
34	Đào Thị Mỹ Tiên	Đ	Đ	Đ	9,0	8,1	8,8	6,8	7,5	9,2	7,2	7,8	8,5	K	T
35	Nguyễn Bình Tính	Đ	Đ	Đ	5,3	6,5	6,9	7,0	5,8	8,0	6,6	7,7	8,1	K	T
36	Nguyễn Phong Toàn	Đ	Đ	Đ	6,8	6,3	9,8	7,5	6,5	8,3	7,2	7,8	8,3	K	T
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	Đ	Đ	Đ	8,0	7,1	8,8	8,3	8,0	8,9	6,8	8,3	8,3	T	T
38	Lê Thị Huyền Trân	Đ	Đ	Đ	6,0	5,3	8,3	7,4	8,1	9,4	5,7	8,2	8,6	K	T
39	Mai Trần Huyền Trân	Đ	Đ	Đ	8,4	7,3	6,9	7,1	6,9	9,5	6,0	8,7	8,5	K	T
40	Trần Thanh Tuyết	Đ	Đ	Đ	8,0	7,6	8,0	7,3	7,6	9,1	6,0	7,8	8,4	K	T
41	Huỳnh Lê Vy	Đ	Đ	Đ	6,0	6,4	8,8	7,3	7,3	8,9	6,7	9,4	8,6	K	T
42	Trương Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	6,7	6,6	8,6	7,6	8,0	8,9	7,8	8,8	8,4	K	T
43	Đỗ Ngọc Như Ý	Đ	Đ	Đ	9,0	7,1	8,9	7,4	6,6	9,4	6,8	8,6	8,6	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thị Bé Hà

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Cao Nguyễn Tường An	10,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,5	8,3	8.3			Học giỏi, chăm ngoan.
2	Nguyễn Thị Lan Anh	10,0	10,0	8,0	10,0	10,0	7,0	7,0	8,3	8.1			Học giỏi, chăm ngoan.
3	Nguyễn Quốc Anh	10,0	8,0	6,0	9,0	7,0	8,0	5,5	7,3	7.4			Học giỏi, chăm ngoan.
4	Nguyễn Chí Bảo	8,0	10,0	6,0	8,0	9,0	6,0	4,5	6,7	6.6			Ngoan, có cố gắng
5	Phan Thị Kim Chi	9,0	10,0	8,0	10,0	10,0	8,8	8,3	9,0	8.8			Học tốt, chăm. ngoan
6	Nguyễn Ngọc Cơ	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	9,0	9,5	9,7	9.6			Học tốt, chăm ngoan.
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	8,0	10,0	8,0	9,0	8,0	6,8	7,5	7,9	7.5			Học khá, có tiến bộ
8	Đỗ Phát Đạt	8,0	7,0	9,0	8,0	7,0	6,0	4,5	6,5	6.6			Học khá, chăm ngoan.
9	Nguyễn Minh Đức	8,0	10,0	6,0	8,0	5,0	6,3	7,3	7,2	7.0			Chăm ngoan, học khá.
10	Lê Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	7,0	7,0	8,0	5,3	4,0	6,3	6.1			Chăm ngoan, học được.
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	7,0	10,0	7,0	6,0	8,0	5,5	5,8	6,6	6.5			Chăm ngoan, có cố gắng.
12	Kiều Thị Lan Hương	9,0	10,0	8,0	10,0	8,0	7,0	5,5	7,6	7.5			Chăm ngoan, học khá.
13	Ngô An Khang	8,0	7,0	6,0	7,0	5,0	6,0	5,0	6,0	6.3			Ngoan, có tiến bộ.
14	Nguyễn Tấn Khanh	9,0	10,0	8,0	8,0	9,0	5,5	8,0	7,9	8.2			Chăm ngoan, học khá.
15	Nguyễn Tấn Kiệt	7,0	10,0	6,0	7,0	6,0	6,3	5,3	6,5	6.3			Chăm ngoan, học khá.
16	Trần Thành Kiệt	8,0	10,0	6,0	9,0	10,0	8,3	7,0	8,1	8.1			Học giỏi, chăm, có cố gắng.
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	8,0	10,0	6,0	8,0	7,0	5,5	6,0	6,8	6.8			Chăm ngoan, học khá.
18	Trần Thanh Mai	10,0	9,0	9,0	10,0	10,0	8,8	9,8	9,5	9.2			Học giỏi, ý thức học tốt.
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	10,0	10,0	9,0	10,0	10,0	9,5	9,0	9,5	9.5			Học giỏi, ý thức học tốt.
20	Nguyễn Hồng Ngân	8,0	7,0	8,0	8,0	7,0	7,5	7,8	7,6	7.1			Học khá, có tiến bộ.
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	7,3	7,3	8,1	8.0			Học giỏi, chăm ngoan.
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	7,0	10,0	6,0	6,0	7,0	6,5	4,5	6,3	5.9			Ngoan, có tiến bộ.
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	8,0	8,0	7,0	8,0	8,0	5,0	5,0	6,4	6.6			Ngoan, có tiến bộ.
24	Phan Thị Kim Oanh	10,0	10,0	8,0	10,0	9,0	8,0	7,0	8,4	8.1			Học giỏi, chăm ngoan.
25	Lê Phong Phú	7,0	7,0	6,0	6,0	7,0	6,5	4,5	6,0	6.0			Ngoan, có tiến bộ.
26	Ngô Thị Trúc Phương	9,0	9,0	9,0	8,0	10,0	7,0	6,3	7,8	7.8			Học khá, ngoan.
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7,0	6,0	7,0	8,0	8,0	6,8	4,5	6,3	6.6			Ngoan, có tiến bộ.
28	Cao Thanh Thắng	6,0	7,0	0,0	0,0	3,0	2,5	2,8	2,9	2.8			Cần cố gắng nhiều.
29	Nguyễn Công Thoại	10,0	10,0	8,0	9,0	8,0	7,0	7,5	8,2	8.4			Học giỏi, chăm ngoan.
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	7,0	7,0	6,0	7,0	8,0	6,8	5,3	6,5	6.5			Ngoan, có cố gắng.
31	Nguyễn Thị Anh Thư	7,0	10,0	5,0	6,0	6,0	6,8	5,8	6,5	6.2			Ngoan, có cố gắng.
32	Nguyễn Thị Kim Thư	10,0	10,0	9,0	9,0	10,0	6,5	8,0	8,5	8.6			Học giỏi, ý thức học tốt.
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	9,0	8,0	10,0	8,0	8,0	5,3	6,5	7,3	7.0			Học khá, có tiến bộ.
34	Đào Thị Mỹ Tiên	10,0	8,0	10,0	9,0	10,0	9,8	8,3	9,2	9.1			Chăm, ngoan, tích cực trong học tập.
35	Nguyễn Bình Tĩnh	7,0	7,0	6,0	7,0	7,0	5,5	5,8	6,2	5.9			Ngoan, học được.
36	Nguyễn Phong Toàn	8,0	7,0	6,0	8,0	7,0	7,0	4,5	6,4	6.5			Ngoan, có cố gắng.
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	9,0	7,0	9,0	8,0	9,0	7,8	7,5	8,0	8.0			Chăm, ngoan, học giỏi.
38	Lê Thị Huyền Trân	8,0	7,0	7,0	8,0	8,0	5,5	6,0	6,7	6.5			Học khá, có tiến bộ.
39	Mai Trần Huyền Trân	10,0	9,0	9,0	7,0	10,0	7,0	7,3	8,1	8.2			Chăm, ngoan, học giỏi.
40	Trần Thanh Tuyết	10,0	10,0	9,0	10,0	9,0	6,8	6,8	8,2	8.1			Chăm, ngoan, học giỏi.
41	Huỳnh Lê Vy	8,0	10,0	9,0	8,0	9,0	5,5	5,3	7,1	6.7			Ngoan, có cố gắng.
42	Trương Thảo Vy	9,0	10,0	6,0	8,0	9,0	5,3	8,8	7,9	7.5			Học khá, có tiến bộ.
43	Đỗ Ngọc Như Ý	10,0	10,0	10,0	9,0	9,0	7,3	8,0	8,7	8.8			Học giỏi, ý thức học tốt.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Xuân

Vật lý HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Cao Nguyễn Tường An	9,0	9,0	9,0			8,0	7,0	8,0	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
2	Nguyễn Thị Lan Anh	9,0	9,0	8,0			9,5	9,0	9,0	8.7			Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.
3	Nguyễn Quốc Anh	8,0	8,0	9,0			6,8	7,3	7,6	7.2			Học khá, có cố gắng.
4	Nguyễn Chí Bảo	9,0	9,0	10,0			5,3	6,8	7,4	6.6			Học khá, chăm ngoan.
5	Phan Thị Kim Chi	10,0	10,0	9,0			9,0	8,3	9,0	9.0			Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.
6	Nguyễn Ngọc Cơ	10,0	10,0	10,0			9,3	8,8	9,4	9.2			Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	9,0	8,0	9,0			6,5	7,5	7,7	7.0			Học khá, chăm ngoan.
8	Đỗ Phát Đạt	8,0	6,0	8,0			5,0	6,0	6,3	6.2			Học đạt, có cố gắng.
9	Nguyễn Minh Đức	9,0	8,0	9,0			6,5	6,5	7,3	6.8			Học khá, chăm ngoan.
10	Lê Thị Ngọc Hân	9,0	7,0	9,0			4,8	7,8	7,3	6.9			Học khá, chăm ngoan.
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	6,0	7,0	8,0			7,0	7,8	7,3	6.7			Học khá, có cố gắng.
12	Kiều Thị Lan Hương	9,0	8,0	8,0			7,0	7,8	7,8	7.1			Học khá, chăm ngoan.
13	Ngô An Khang	7,0	6,0	8,0			5,5	6,0	6,3	6.2			Học đạt, có cố gắng.
14	Nguyễn Tấn Khanh	9,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,6	8.9			Học tốt, chăm ngoan, tích cực.
15	Nguyễn Tấn Kiệt	7,0	7,0	7,0			5,5	7,5	6,8	6.2			Học khá, có cố gắng.
16	Trần Thành Kiệt	9,0	9,0	9,0			8,8	8,0	8,6	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	7,0	6,0	8,0			6,3	6,0	6,5	6.3			Học khá, có cố gắng.
18	Trần Thanh Mai	10,0	10,0	10,0			8,3	8,3	8,9	9.0			Học tốt, chăm ngoan, tích cực.
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	10,0	10,0	9,0			9,8	8,5	9,3	9.3			Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.
20	Nguyễn Hồng Ngân	9,0	8,0	7,0			5,0	7,3	7,0	6.7			Học khá, chăm ngoan.
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	8,0	9,0			8,8	9,0	8,8	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	9,0	6,0	8,0			5,0	7,8	7,1	6.5			Học khá, có cố gắng.
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	9,0	6,0	7,0			5,3	6,0	6,3	5.9			Học đạt, có cố gắng.
24	Phan Thị Kim Oanh	9,0	9,0	8,0			9,3	6,3	7,9	7.6			Học khá, chăm ngoan.
25	Lê Phong Phú	7,0	6,0	7,0			6,0	5,8	6,2	6.2			Học đạt, có cố gắng.
26	Ngô Thị Trúc Phương	8,0	7,0	7,0			5,8	5,8	6,4	6.0			Học đạt, có cố gắng.
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0	8,0			7,3	8,3	8,1	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
28	Cao Thanh Thắng	7,0	5,0	6,0			6,3	5,3	5,8	5.3			Học đạt, cần cố gắng hơn.
29	Nguyễn Công Thoại	9,0	8,0	10,0			8,8	9,0	9,0	8.5			Học tốt, chăm ngoan, tích cực
30	Nguyễn Lê Xuân Thuỳ	9,0	7,0	9,0			5,0	8,0	7,4	6.8			Học khá, chăm ngoan.
31	Nguyễn Thị Anh Thư	9,0	6,0	9,0			7,8	7,5	7,8	7.2			Học khá, chăm ngoan.
32	Nguyễn Thị Kim Thư	10,0	9,0	9,0			9,5	7,5	8,7	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	9,0	7,0	8,0			8,0	7,8	7,9	7.5			Học khá, chăm ngoan.
34	Đào Thị Mỹ Tiên	10,0	10,0	10,0			10,0	8,0	9,3	8.9			Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.
35	Nguyễn Bình Tĩnh	9,0	8,0	9,0			6,3	9,5	8,4	7.8			Học tốt, chăm ngoan.
36	Nguyễn Phong Toàn	7,0	7,0	8,0			5,8	6,3	6,6	6.5			Học khá, có cố gắng.
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	10,0	10,0	10,0			8,8	8,0	9,0	8.4			Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.
38	Lê Thị Huyền Trân	9,0	10,0	8,0			5,5	6,8	7,3	6.6			Học khá, chăm ngoan.
39	Mai Trần Huyền Trân	9,0	9,0	8,0			6,8	7,8	7,9	7.7			Học khá, chăm ngoan.
40	Trần Thanh Tuyết	10,0	9,0	9,0			7,5	7,5	8,2	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
41	Huỳnh Lê Vy	9,0	6,0	9,0			6,0	7,5	7,3	7.0			Học khá, chăm ngoan.
42	Trương Thảo Vy	9,0	7,0	8,0			5,3	7,8	7,3	7.1			Học khá, chăm ngoan.
43	Đỗ Ngọc Như Ý	9,0	9,0	9,0			6,3	7,3	7,7	7.5			Học khá, chăm ngoan.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

HÓA HỌC (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Cao Nguyễn Tường An	9,0	9,0	10,0	7,0		7,5	8,5	8,4	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
2	Nguyễn Thị Lan Anh	9,0	10,0	9,0	9,0		8,0	9,8	9,2	9.3			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
3	Nguyễn Quốc Anh	8,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,8	9,7	9.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
4	Nguyễn Chí Bảo	7,0	10,0	9,0	9,0		7,5	9,5	8,7	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
5	Phan Thị Kim Chi	9,0	10,0	9,0	9,0		10,0	9,5	9,5	9.6			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
6	Nguyễn Ngọc Cơ	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	9,9	9.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	7,0	10,0	8,0	5,0		7,0	6,0	6,9	6.6			Học khá, cần cố gắng hơn
8	Đỗ Phát Đạt	6,0	9,0	5,0	5,0		6,0	3,5	5,3	6.2			Học được, cần cố gắng hơn.
9	Nguyễn Minh Đức	8,0	10,0	9,0	6,0		8,5	8,5	8,4	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
10	Lê Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	8,0	5,0		6,0	5,3	6,5	6.3			Học khá, cần cố gắng hơn
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	7,0	10,0	10,0	10,0		8,5	9,8	9,3	8.6			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
12	Kiều Thị Lan Hương	9,0	10,0	9,0	9,0		7,5	9,5	8,9	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
13	Ngô An Khang	6,0	8,0	9,0	9,0		4,5	9,3	7,7	7.3			Học khá, cần cố gắng.
14	Nguyễn Tấn Khanh	9,0	9,0	8,0	5,0		7,0	6,0	7,0	7.1			Học khá, cần cố gắng.
15	Nguyễn Tấn Kiệt	7,0	10,0	5,0	5,0		7,0	4,0	5,9	6.0			Học được, cần cố gắng hơn.
16	Trần Thành Kiệt	8,0	10,0	9,0	7,0		8,0	8,3	8,3	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	6,0	6,0	9,0	6,0		4,5	7,5	6,5	6.6			Học khá, cần cố gắng hơn
18	Trần Thanh Mai	9,0	10,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,5	9.4			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	9,9	9.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
20	Nguyễn Hồng Ngân	9,0	9,0	9,0	9,0		8,5	9,5	9,1	8.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	10,0	8,0	6,0		9,0	7,0	8,0	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	7,0	8,0	5,0	5,0		5,5	2,0	4,7	5.0			Học yếu, cần cố gắng nhiều hơn nữa
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	9,0	9,0	9,0	9,0		6,5	9,0	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
24	Phan Thị Kim Oanh	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	9,9	9.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
25	Lê Phong Phú	8,0	10,0	7,0	5,0		6,5	5,8	6,7	6.8			Học khá, cần cố gắng hơn
26	Ngô Thị Trúc Phương	9,0	9,0	9,0	7,0		6,5	8,5	8,1	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	9,0	9,0	9,0		8,5	9,5	9,1	9.1			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
28	Cao Thanh Thắng	1,0	9,0	7,0	3,0		5,0	5,0	5,0	4.3			Học được, cần cố gắng hơn.
29	Nguyễn Công Thoại	7,0	8,0	9,0	7,0		7,5	7,8	7,7	7.8			Học khá, cần cố gắng.
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	9,0	10,0	9,0	8,0		8,5	8,5	8,7	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
31	Nguyễn Thị Anh Thư	7,0	9,0	9,0	5,0		6,5	7,3	7,2	7.0			Học khá, cần cố gắng hơn
32	Nguyễn Thị Kim Thư	9,0	10,0	9,0	9,0		9,0	10,0	9,4	9.3			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	9,0	9,0	8,0	6,0		7,5	7,3	7,7	7.9			Học khá, cần cố gắng.
34	Đào Thị Mỹ Tiên	9,0	10,0	9,0	9,0		8,5	9,5	9,2	9.1			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
35	Nguyễn Bình Tĩnh	1,0	10,0	9,0	8,0		7,0	9,0	7,7	7.4			Học khá, cần cố gắng.
36	Nguyễn Phong Toàn	8,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	9,8	9.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	9,0	8,0	9,0	9,0		7,0	9,8	8,7	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
38	Lê Thị Huyền Trân	9,0	9,0	9,0	9,0		7,5	8,0	8,3	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
39	Mai Trần Huyền Trân	9,0	9,0	9,0	6,0		6,0	8,5	7,8	7.5			Học khá, cần cố gắng.
40	Trần Thanh Tuyết	9,0	9,0	9,0	6,0		6,0	8,3	7,8	7.9			Học khá, cần cố gắng.
41	Huỳnh Lê Vy	9,0	9,0	9,0	9,0		7,0	9,3	8,7	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
42	Trương Thảo Vy	9,0	10,0	9,0	6,0		8,0	7,8	8,2	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
43	Đỗ Ngọc Như Ý	9,0	10,0	9,0	9,0		9,0	9,8	9,4	9.2			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Sinh học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Cao Nguyễn Tường An	8,0	9,5	7,0	9,5		7,0	6,8	7,6	7.5			học khá, có cố gắng trong học tập
2	Nguyễn Thị Lan Anh	10,0	8,5	9,0	10,0		8,3	6,5	8,2	8.3			cần cố gắng hơn trong học tập
3	Nguyễn Quốc Anh	8,0	7,0	6,0	8,0		7,5	7,5	7,4	6.9			cần cố gắng hơn trong học tập
4	Nguyễn Chí Bảo	10,0	9,5	9,0	9,0		7,8	9,0	8,9	8.1			học khá, có cố gắng trong học tập
5	Phan Thị Kim Chi	10,0	8,5	10,0	10,0		8,5	10,0	9,5	8.9			học tốt, ngoan
6	Nguyễn Ngọc Cơ	10,0	8,0	10,0	10,0		9,3	9,5	9,5	8.7			học tốt, ngoan
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	8,0	9,0	9,0	10,0		6,3	3,0	6,4	6.6			có cố gắng trong học tập
8	Đỗ Phát Đạt	7,0	7,0	6,0	8,5		6,3	3,3	5,7	5.8			cần cố gắng hơn trong học tập
9	Nguyễn Minh Đức	8,0	9,5	10,0	9,5		8,5	8,3	8,8	8.0			học khá, có cố gắng trong học tập
10	Lê Thị Ngọc Hân	7,0	8,0	7,0	7,0		6,5	6,3	6,8	7.0			có cố gắng trong học tập
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	7,5	7,0	5,0	6,5		7,0	4,5	5,9	6.3			cần cố gắng hơn trong học tập
12	Kiều Thị Lan Hương	10,0	8,0	10,0	10,0		7,8	8,0	8,6	8.2			học khá, có cố gắng trong học tập
13	Ngô An Khang	7,0	7,0	8,0	7,0		4,8	6,5	6,5	6.5			có cố gắng trong học tập
14	Nguyễn Tấn Khanh	9,5	9,5	8,5	10,0		7,8	6,8	8,2	7.9			học khá, có cố gắng trong học tập
15	Nguyễn Tấn Kiệt	7,0	7,0	8,0	8,0		4,0	4,5	5,7	6.1			cần cố gắng hơn trong học tập
16	Trần Thành Kiệt	10,0	8,0	9,0	9,0		7,3	7,8	8,2	8.1			học khá, có cố gắng trong học tập
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	7,5	8,5	2,0	6,5		6,0	5,3	5,8	6.0			cần cố gắng hơn trong học tập
18	Trần Thanh Mai	10,0	9,5	9,0	10,0		8,5	10,0	9,5	8.6			học tốt, ngoan
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	10,0	8,0	10,0	10,0		8,8	9,5	9,3	8.8			học tốt, ngoan
20	Nguyễn Hồng Ngân	10,0	9,5	6,0	10,0		6,0	6,8	7,5	7.6			học khá, có cố gắng trong học tập
21	Ngô Bảo Nghi	10,0	9,5	9,0	10,0		7,5	8,5	8,8	8.5			học khá, có cố gắng trong học tập
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	6,0	8,0	5,0	10,0		6,5	3,0	5,7	6.3			cần cố gắng hơn trong học tập
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	7,0	7,0	7,0	10,0		7,3	2,8	6,0	6.4			cần cố gắng hơn trong học tập
24	Phan Thị Kim Oanh	7,5	8,0	7,0	9,0		7,0	5,8	7,0	7.1			học khá, có cố gắng trong học tập
25	Lê Phong Phú	8,0	10,0	8,0	8,0		6,0	5,5	6,9	6.7			có cố gắng trong học tập
26	Ngô Thị Trúc Phương	7,5	7,0	8,0	10,0		7,8	6,0	7,3	7.1			học khá, có cố gắng trong học tập
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	10,0	7,5	10,0		7,3	8,5	8,4	7.6			học khá, có cố gắng trong học tập
28	Cao Thanh Thắng	2,0	5,0	6,0	2,0		6,0	4,0	4,3	5.0			cần cố gắng hơn trong học tập
29	Nguyễn Công Thoại	9,5	9,0	9,0	8,0		7,0	7,3	7,9	7.9			học khá, có cố gắng trong học tập
30	Nguyễn Lê Xuân Thuỳ	8,0	8,5	8,0	10,0		6,5	9,3	8,4	7.6			học khá, có cố gắng trong học tập
31	Nguyễn Thị Anh Thư	6,0	8,0	7,0	9,5		8,0	6,0	7,2	7.2			học khá, có cố gắng trong học tập
32	Nguyễn Thị Kim Thư	9,0	9,0	9,5	10,0		8,0	8,3	8,7	8.2			học khá, có cố gắng trong học tập
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	8,0	8,0	7,0	9,0		6,5	4,5	6,5	6.6			có cố gắng trong học tập
34	Đào Thị Mỹ Tiên	10,0	8,5	9,0	10,0		9,3	8,8	9,2	8.4			học tốt, ngoan
35	Nguyễn Bình Tĩnh	8,0	7,0	7,0	8,5		6,8	5,8	6,8	6.9			có cố gắng trong học tập
36	Nguyễn Phong Toàn	8,0	8,0	5,0	7,0		7,8	9,9	8,1	7.9			học khá, có cố gắng trong học tập
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	8,5	9,5	9,5	9,5		7,8	9,5	9,0	8.8			học tốt, ngoan
38	Lê Thị Huyền Trân	9,0	9,5	8,0	10,0		6,5	6,0	7,5	7.5			học khá, có cố gắng trong học tập
39	Mai Trần Huyền Trân	9,5	9,5	9,0	10,0		7,5	6,5	8,1	7.8			học khá, có cố gắng trong học tập
40	Trần Thanh Tuyết	7,0	9,0	9,0	9,3		7,3	6,5	7,6	7.5			học khá, có cố gắng trong học tập
41	Huỳnh Lê Vy	9,5	10,0	9,0	10,0		8,0	8,0	8,7	8.2			học khá, có cố gắng trong học tập
42	Trương Thảo Vy	10,0	8,0	8,0	10,0		8,8	10,0	9,3	8.7			học tốt, ngoan
43	Đỗ Ngọc Như Ý	10,0	9,5	8,0	10,0		9,0	8,3	8,9	8.4			học khá, có cố gắng trong học tập

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Linh, Phạm Thị Thu

HỌC KỲ II														
Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Cao Nguyễn Tường An	8,0	9,0	7,0	8,0		7,0	6,0	7,1	7.3			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	9,0	8,0	7,0		8,0	8,5	8,2	8.1			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
3	Nguyễn Quốc Anh	6,0	6,0	6,0	8,0		6,5	6,0	6,3	6.4			Học được, chăm ngoan	
4	Nguyễn Chí Bảo	8,0	7,0	8,0	8,0		6,0	5,0	6,4	6.7			Học được, chăm ngoan	
5	Phan Thị Kim Chi	8,0	9,0	8,0	8,0		8,0	8,5	8,3	8.2			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
6	Nguyễn Ngọc Cơ	8,0	9,0	9,0	8,0		8,0	9,0	8,6	8.5			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	7,0	7,0	7,0	8,0		7,0	6,0	6,8	6.8			Học khá, chăm ngoan	
8	Đỗ Phát Đạt	8,0	6,0	8,0	7,0		7,0	6,5	6,9	6.9			Học khá, chăm ngoan	
9	Nguyễn Minh Đức	8,0	7,0	8,0	8,0		7,0	7,0	7,3	7.3			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
10	Lê Thị Ngọc Hân	7,0	8,0	7,0	7,0		7,5	7,5	7,4	7.3			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	8,0	7,0	8,0	6,0		6,0	5,5	6,4	6.3			Học khá, chăm ngoan	
12	Kiều Thị Lan Hương	7,0	8,0	7,0	8,0		7,0	7,5	7,4	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
13	Ngô An Khang	6,0	5,0	6,0	7,0		6,0	6,5	6,2	6.0			Học được, chăm ngoan	
14	Nguyễn Tấn Khanh	8,0	8,0	9,0	9,0		7,0	8,0	8,0	8.0			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
15	Nguyễn Tấn Kiệt	7,0	7,0	8,0	6,0		6,5	7,0	6,9	6.8			Học khá, chăm ngoan	
16	Trần Thành Kiệt	7,0	8,0	8,0	7,0		6,5	7,0	7,1	7.1			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	5,0	7,0	7,0	6,0		6,5	6,0	6,2	6.1			Học được, chăm ngoan	
18	Trần Thanh Mai	8,0	9,0	8,0	9,0		7,0	5,5	7,2	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	7,0	8,0	8,0	9,0		8,0	8,5	8,2	8.0			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
20	Nguyễn Hồng Ngân	7,0	7,0	8,0	8,0		7,0	6,0	6,9	7.0			Học khá, chăm ngoan	
21	Ngô Bảo Nghi	7,0	8,0	7,0	8,0		8,0	8,0	7,8	7.7			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	7,0	8,0	7,0	7,0		7,5	7,5	7,4	7.3			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	8,0	7,0	8,0	8,0		7,0	7,5	7,5	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
24	Phan Thị Kim Oanh	7,0	7,0	7,0	6,0		6,5	7,0	6,8	6.8			Học khá, chăm ngoan	
25	Lê Phong Phú	7,0	8,0	7,0	8,0		6,5	6,0	6,8	7.0			Học khá, chăm ngoan	
26	Ngô Thị Trúc Phương	8,0	9,0	8,0	8,0		6,5	5,5	6,9	6.9			Học khá, chăm ngoan	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	8,0	8,0	7,0		7,0	6,5	7,2	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
28	Cao Thanh Thắng	5,0	3,0	3,0	4,0		4,0	4,0	3,9	3.9			Cần cố gắng nhiều trong học tập	
29	Nguyễn Công Thoại	7,0	8,0	8,0	7,0		7,0	7,0	7,2	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
30	Nguyễn Lê Xuân Thuỳ	8,0	7,0	8,0	6,0		7,0	6,0	6,8	6.8			Học khá, chăm ngoan	
31	Nguyễn Thị Anh Thư	8,0	6,0	7,0	5,0		7,0	6,5	6,6	6.7			Học khá, chăm ngoan	
32	Nguyễn Thị Kim Thư	8,0	8,0	7,0	8,0		8,0	8,0	7,9	7.7			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	8,0	7,0	8,0	7,0		6,5	5,0	6,4	6.6			Học được, chăm ngoan	
34	Đào Thị Mỹ Tiên	8,0	8,0	9,0	8,0		7,0	6,5	7,4	7.4			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
35	Nguyễn Bình Tĩnh	6,0	8,0	7,0	6,0		6,5	7,0	6,8	6.5			Học khá, chăm ngoan	
36	Nguyễn Phong Toàn	7,0	8,0	7,0	7,0		5,5	5,5	6,3	6.4			Học được, chăm ngoan	
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	8,0	8,0	9,0	9,0		8,0	8,5	8,4	8.3			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
38	Lê Thị Huyền Trân	8,0	8,0	8,0	9,0		7,0	6,5	7,4	7.6			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
39	Mai Trần Huyền Trân	8,0	7,0	8,0	8,0		6,5	7,0	7,2	7.1			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
40	Trần Thanh Tuyết	8,0	8,0	8,0	7,0		6,5	6,5	7,1	7.3			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
41	Huỳnh Lê Vy	8,0	8,0	8,0	7,0		7,0	6,5	7,2	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
42	Trương Thảo Vy	8,0	8,0	9,0	9,0		7,0	7,5	7,8	7.9			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
43	Đỗ Ngọc Như Ý	7,0	8,0	7,0	7,0		6,5	5,0	6,3	6.4			Học được, chăm ngoan	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Cao Nguyễn Tường An	8,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan
2	Nguyễn Thị Lan Anh	9,0	9,0	9,0			9,0	8,8	8,9	8.9			Học tốt, chăm ngoan
3	Nguyễn Quốc Anh	8,0	9,0	9,0			8,5	7,8	8,3	8.2			Học tốt, chăm ngoan
4	Nguyễn Chí Bảo	7,0	9,0	9,0			9,0	8,3	8,5	8.5			Học tốt, chăm ngoan
5	Phan Thị Kim Chi	9,0	9,0	9,0			9,0	8,8	8,9	9.1			Học tốt, chăm ngoan
6	Nguyễn Ngọc Cơ	9,0	9,0	9,0			9,0	9,3	9,1	9.1			Học tốt, chăm ngoan
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	7,0	9,0	9,0			9,0	6,0	7,6	7.6			Học khá
8	Đỗ Phát Đạt	6,0	9,0	5,0			8,5	5,3	6,6	7.0			Cần cố gắng hơn
9	Nguyễn Minh Đức	7,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,4	8.6			Học tốt, chăm ngoan
10	Lê Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	10,0			9,0	7,8	8,6	8.5			Học tốt, chăm ngoan
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	7,0	7,0	9,0			9,0	6,5	7,6	7.5			Học khá
12	Kiều Thị Lan Hương	9,0	8,0	10,0			9,0	6,3	8,0	8.3			Học tốt, chăm ngoan
13	Ngô An Khang	7,0	8,0	9,0			8,5	9,3	8,6	8.1			Học tốt, chăm ngoan
14	Nguyễn Tấn Khanh	9,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan
15	Nguyễn Tấn Kiệt	6,0	7,0	9,0			9,0	5,8	7,2	6.9			Học khá
16	Trần Thành Kiệt	9,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,8	8.8			Học tốt, chăm ngoan
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	7,0	8,0	9,0			8,5	5,8	7,3	7.5			Học khá
18	Trần Thanh Mai	9,0	9,0	9,0			9,0	9,8	9,3	9.4			Học tốt, chăm ngoan
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	9,0	9,0	9,0			9,0	9,8	9,3	9.2			Học tốt, chăm ngoan
20	Nguyễn Hồng Ngân	9,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,8	9.0			Học tốt, chăm ngoan
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,8	8.9			Học tốt, chăm ngoan
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	10,0	9,0	10,0			9,0	3,5	7,2	7.2			Học khá
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	9,0	9,0	8,0			6,5	7,8	7,8	8.1			Học khá
24	Phan Thị Kim Oanh	7,0	9,0	9,0			8,5	8,8	8,6	8.6			Học tốt, chăm ngoan
25	Lê Phong Phú	7,0	8,0	9,0			9,0	5,5	7,3	7.5			Học khá
26	Ngô Thị Trúc Phương	8,0	9,0	8,0			7,5	6,5	7,4	7.9			Học khá
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0	9,0			9,0	5,5	7,6	8.1			Học khá
28	Cao Thanh Thắng	5,0	1,0	8,0			7,5	5,5	5,7	5.4			Cần cố gắng hơn
29	Nguyễn Công Thoại	8,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,7	8.8			Học tốt, chăm ngoan
30	Nguyễn Lê Xuân Thuỳ	9,0	9,0	9,0			9,0	7,0	8,3	8.6			Học tốt, chăm ngoan
31	Nguyễn Thị Anh Thư	8,0	8,0	10,0			9,0	6,5	7,9	7.9			Học khá
32	Nguyễn Thị Kim Thư	9,0	9,0	10,0			9,0	9,5	9,3	9.0			Học tốt, chăm ngoan
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	8,0	9,0	9,0			9,0	6,5	7,9	8.2			Học khá
34	Đào Thị Mỹ Tiên	8,0	9,0	9,0			9,0	7,0	8,1	8.5			Học tốt, chăm ngoan
35	Nguyễn Bình Tĩnh	9,0	9,0	9,0			9,0	7,3	8,4	8.3			Học tốt, chăm ngoan
36	Nguyễn Phong Toàn	5,0	9,0	9,0			8,5	6,5	7,4	7.7			Học khá
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	9,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,6	8.7			Học tốt, chăm ngoan
38	Lê Thị Huyền Trân	9,0	9,0	9,0			9,0	6,8	8,2	8.6			Học tốt, chăm ngoan
39	Mai Trần Huyền Trân	9,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,8	9.0			Học tốt, chăm ngoan
40	Trần Thanh Tuyết	9,0	9,0	10,0			9,0	6,8	8,3	8.6			Học tốt, chăm ngoan
41	Huỳnh Lê Vy	8,0	9,0	10,0			9,0	8,0	8,6	8.7			Học tốt, chăm ngoan
42	Trương Thảo Vy	9,0	9,0	10,0			9,0	8,0	8,8	8.8			Học tốt, chăm ngoan
43	Đỗ Ngọc Như Ý	9,0	9,0	9,0			9,0	6,5	8,1	8.5			Học tốt, chăm ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

HỌC KỲ II Ngọai ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Cao Nguyễn Tường An	5,0	9,0	8,5	8,5		4,3	6,9	6,7	6.8			Học khá, chăm
2	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	10,0	8,0	10,0		6,0	8,1	8,0	8.0			Giỏi, chăm, ngoan
3	Nguyễn Quốc Anh	5,0	7,0	10,0	9,0		4,8	7,9	7,1	6.7			Học khá, chăm, ngoan
4	Nguyễn Chí Bảo	6,5	8,0	4,5	10,0		5,5	4,2	5,8	5.5			Học được
5	Phan Thị Kim Chi	8,0	10,0	10,0	10,0		7,0	8,1	8,5	8.3			Giỏi, chăm, ngoan
6	Nguyễn Ngọc Cơ	9,0	10,0	10,0	10,0		7,5	8,5	8,8	8.8			Giỏi, chăm, ngoan
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	4,5	8,0	6,5	8,5		5,8	5,4	6,1	6.3			Học khá, chăm
8	Đỗ Phát Đạt	7,0	1,0	6,0	0,0		3,3	2,4	3,1	3.7			Cần cố gắng
9	Nguyễn Minh Đức	6,5	9,0	8,0	10,0		4,5	4,6	6,3	6.5			Học khá, chăm
10	Lê Thị Ngọc Hân	9,0	8,0	6,5	9,0		5,8	4,8	6,5	6.5			Học khá, chăm
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	6,0	9,0	10,0	10,0		5,5	5,2	6,8	6.6			Học khá, chăm, ngoan
12	Kiều Thị Lan Hương	9,0	9,0	10,0	7,0		5,0	7,1	7,4	7.4			Học khá, chăm, ngoan
13	Ngô An Khang	5,0	10,0	10,0	9,0		4,5	6,0	6,8	6.6			Học khá, chăm, ngoan
14	Nguyễn Tấn Khanh	8,0	8,0	6,5	10,0		5,8	4,6	6,4	6.8			Học khá, chăm
15	Nguyễn Tấn Kiệt	6,5	7,0	10,0	10,0		3,8	5,6	6,4	6.0			Học khá, chăm
16	Trần Thành Kiệt	9,0	8,0	10,0	10,0		5,8	5,4	7,2	7.1			Học khá, chăm, ngoan
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	5,0	3,0	7,0	9,0		2,8	6,0	5,3	5.6			Học được
18	Trần Thanh Mai	6,0	8,0	5,5	10,0		5,8	7,4	7,0	7.1			Học khá, chăm, ngoan
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	9,0	10,0	10,0	10,0		7,8	8,7	9,0	8.7			Giỏi, chăm, ngoan
20	Nguyễn Hồng Ngân	6,5	8,0	5,5	10,0		5,0	5,6	6,3	6.3			Học khá, chăm
21	Ngô Bảo Nghi	8,0	10,0	10,0	10,0		6,0	7,5	8,1	8.0			Giỏi, chăm, ngoan
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	8,5	10,0	6,0	9,0		5,8	4,2	6,4	6.3			Học khá, chăm
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	9,0	9,0	8,0	9,5		4,8	6,2	7,1	6.7			Học khá, chăm, ngoan
24	Phan Thị Kim Oanh	8,0	6,0	7,0	8,5		5,8	7,8	7,2	7.1			Học khá, chăm, ngoan
25	Lê Phong Phú	5,0	7,0	7,0	8,0		4,8	3,4	5,2	5.2			Học được
26	Ngô Thị Trúc Phương	8,0	8,0	8,0	9,0		5,0	5,2	6,5	6.3			Học khá, chăm
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	10,0	6,0	9,0		5,5	7,0	7,2	7.4			Học khá, chăm, ngoan
28	Cao Thanh Thắng	5,0	8,0	1,5	0,0		3,3	2,6	3,2	3.4			Chưa đạt, cần cố gắng
29	Nguyễn Công Thoại	7,5	8,0	8,0	10,0		5,5	5,0	6,6	6.6			Học khá, chăm
30	Nguyễn Lê Xuân Thuỷ	8,5	10,0	4,0	9,0		6,0	4,6	6,4	6.5			Học khá, chăm
31	Nguyễn Thị Anh Thư	7,5	10,0	6,0	9,0		5,8	4,0	6,2	6.0			Học khá, chăm
32	Nguyễn Thị Kim Thư	9,0	10,0	10,0	10,0		6,5	6,5	7,9	7.9			Học khá, chăm, ngoan
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	7,0	7,0	6,5	9,5		4,5	5,7	6,2	5.9			Học khá, chăm
34	Đào Thị Mỹ Tiên	4,5	8,0	7,0	9,0		5,8	5,6	6,3	6.6			Học khá, chăm
35	Nguyễn Bình Tĩnh	6,0	8,0	10,0	8,0		4,5	5,2	6,3	6.4			Học khá, chăm
36	Nguyễn Phong Toàn	8,0	10,0	7,5	9,5		5,5	4,0	6,4	6.7			Học khá, chăm
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	8,0	9,0	10,0	10,0		5,5	6,3	7,4	7.2			Học khá, chăm, ngoan
38	Lê Thị Huyền Trân	7,0	10,0	6,5	10,0		5,0	6,1	6,9	6.5			Học khá, chăm, ngoan
39	Mai Trần Huyền Trân	7,0	10,0	9,1	10,0		4,0	6,7	7,1	6.7			Học khá, chăm, ngoan
40	Trần Thanh Tuyết	7,5	10,0	6,5	9,5		6,0	4,4	6,5	6.3			Học khá, chăm
41	Huỳnh Lê Vy	8,0	10,0	9,0	9,0		5,5	6,3	7,3	7.1			Học khá, chăm, ngoan
42	Trương Thảo Vy	9,0	10,0	10,0	10,0		6,0	7,3	8,1	8.0			Giỏi, chăm, ngoan
43	Đỗ Ngọc Như Ý	7,0	8,0	4,5	10,0		5,3	6,7	6,7	6.7			Học khá, chăm

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Giang

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 39/48

Công nghệ cơ khí HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Cao Nguyễn Tường An	9,0	9,0	9,0			7,0	8,0	8,1	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
2	Nguyễn Thị Lan Anh	9,0	9,0	9,0			7,5	7,5	8,1	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
3	Nguyễn Quốc Anh	9,0	9,0	9,0			7,0	7,5	7,9	8.0			Học được
4	Nguyễn Chí Bảo	9,0	9,0	9,0			7,0	8,0	8,1	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
5	Phan Thị Kim Chi	9,0	9,0	9,0			7,0	9,0	8,5	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
6	Nguyễn Ngọc Cơ	9,0	9,0	8,0			8,0	7,0	7,9	8.0			Học được
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	9,0	9,0	9,0			7,0	7,0	7,8	8.1			Học được
8	Đỗ Phát Đạt	9,0	9,0	9,0			6,0	8,0	7,9	8.1			Học khá
9	Nguyễn Minh Đức	9,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,4	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
10	Lê Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0			7,5	8,5	8,4	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	8,0	9,0	8,0			8,0	9,5	8,7	8.6			Học tốt, ngoan, hiền
12	Kiều Thị Lan Hương	9,0	9,0	9,0			7,5	9,0	8,6	8.7			Học tốt, ngoan, hiền
13	Ngô An Khang	9,0	9,0	9,0			8,0	7,0	8,0	8.1			Học tốt, ngoan, hiền
14	Nguyễn Tấn Khanh	9,0	9,0	9,0			8,0	9,0	8,8	8.7			Học tốt, ngoan, hiền
15	Nguyễn Tấn Kiệt	8,0	9,0	8,0			6,5	6,5	7,2	7.6			Học khá
16	Trần Thành Kiệt	9,0	8,0	9,0			7,5	7,5	7,9	8.1			Học khá
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	9,0	8,0	9,0			5,0	6,0	6,8	7.3			Học khá
18	Trần Thanh Mai	9,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,4	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	9,0	9,0	9,0			8,0	7,0	8,0	8.2			Học tốt
20	Nguyễn Hồng Ngân	8,0	9,0	8,0			7,0	7,0	7,5	7.8			Học khá
21	Ngô Bảo Nghi	9,0	9,0	9,0			7,5	9,5	8,8	8.8			Học tốt, ngoan, hiền
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	9,0	9,0	9,0			8,0	9,5	8,9	8.8			Học tốt, ngoan, hiền
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	9,0	9,0	9,0			7,0	7,0	7,8	8.0			Học khá
24	Phan Thị Kim Oanh	8,0	8,0	9,0			6,0	7,5	7,4	7.6			Học khá
25	Lê Phong Phú	8,0	9,0	9,0			7,5	7,5	7,9	8.1			Học khá
26	Ngô Thị Trúc Phương	9,0	8,0	9,0			7,0	6,5	7,4	7.8			Học khá
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0	9,0			7,5	8,0	8,1	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
28	Cao Thanh Thắng	5,0	5,0	7,0			6,0	4,0	5,1	6.1			Cần cố gắng nhiều hơn
29	Nguyễn Công Thoại	9,0	8,0	9,0			8,0	9,5	8,8	8.6			Học tốt, ngoan, hiền
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	9,0	9,0	9,0			7,5	8,0	8,3	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
31	Nguyễn Thị Anh Thư	9,0	8,0	9,0			7,5	9,0	8,5	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
32	Nguyễn Thị Kim Thư	9,0	9,0	9,0			8,0	7,0	8,0	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	9,0	9,0	9,0			7,5	7,0	7,9	8.2			Học tốt
34	Đào Thị Mỹ Tiên	9,0	9,0	9,0			7,0	8,0	8,1	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
35	Nguyễn Bình Tĩnh	8,0	8,0	8,0			7,0	9,0	8,1	8.1			Học tốt, ngoan, hiền
36	Nguyễn Phong Toàn	9,0	8,0	9,0			8,0	9,0	8,6	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	9,0	9,0	9,0			7,5	7,5	8,1	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
38	Lê Thị Huyền Trân	8,0	9,0	8,0			7,5	8,0	8,0	8.2			Học tốt
39	Mai Trần Huyền Trân	9,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,4	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
40	Trần Thanh Tuyết	9,0	9,0	9,0			7,0	8,5	8,3	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
41	Huỳnh Lê Vy	8,0	9,0	8,0			7,5	7,5	7,8	8.1			Học khá
42	Trương Thảo Vy	9,0	9,0	9,0			8,0	9,5	8,9	8.7			Học tốt, ngoan, hiền
43	Đỗ Ngọc Như Ý	9,0	9,0	9,0			7,5	7,0	7,9	8.1			Học khá

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 41/48

HỌC KỲ II														
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)														
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú		
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại			
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)			
												Học kỳ	Cuối năm	
1	Cao Nguyễn Tường An	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
3	Nguyễn Quốc Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
4	Nguyễn Chí Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
5	Phan Thị Kim Chi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
6	Nguyễn Ngọc Cơ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
8	Đỗ Phát Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
9	Nguyễn Minh Đức	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
10	Lê Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
12	Kiều Thị Lan Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
13	Ngô An Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
14	Nguyễn Tấn Khanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
15	Nguyễn Tấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
16	Trần Thành Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
18	Trần Thanh Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
20	Nguyễn Hồng Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
21	Ngô Bảo Nghi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
24	Phan Thị Kim Oanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
25	Lê Phong Phú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
26	Ngô Thị Trúc Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
28	Cao Thanh Thắng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
29	Nguyễn Công Thoại	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
30	Nguyễn Lê Xuân Thuỷ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
31	Nguyễn Thị Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
32	Nguyễn Thị Kim Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
34	Đào Thị Mỹ Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
35	Nguyễn Bình Tĩnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
36	Nguyễn Phong Toàn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
38	Lê Thị Huyền Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
39	Mai Trần Huyền Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
40	Trần Thanh Tuyết	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
41	Huỳnh Lê Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
42	Trương Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
43	Đỗ Ngọc Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Dương, Phạm Thị Ngọc Diệu

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú																											
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																																							
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại																													
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ		Cuối năm																									
1	Cao Nguyễn Tường An	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
3	Nguyễn Quốc Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
4	Nguyễn Chí Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
5	Phan Thị Kim Chi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
6	Nguyễn Ngọc Cơ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
8	Đỗ Phát Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
9	Nguyễn Minh Đức	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
10	Lê Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
12	Kiều Thị Lan Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
13	Ngô An Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
14	Nguyễn Tấn Khanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
15	Nguyễn Tấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
16	Trần Thành Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
18	Trần Thanh Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
20	Nguyễn Hồng Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
21	Ngô Bảo Nghi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
24	Phan Thị Kim Oanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
25	Lê Phong Phú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
26	Ngô Thị Trúc Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
28	Cao Thanh Thắng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ, cần cố gắng hoạt động hơn.																											
29	Nguyễn Công Thoại	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
31	Nguyễn Thị Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
32	Nguyễn Thị Kim Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
34	Đào Thị Mỹ Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
35	Nguyễn Bình Tĩnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
36	Nguyễn Phong Toàn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.																											
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
38	Lê Thị Huyền Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
39	Mai Trần Huyền Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
40	Trần Thanh Tuyết	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
41	Huỳnh Lê Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
42	Trương Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											
43	Đỗ Ngọc Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động tập thể.																											

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ cơ khí		
1	Cao Nguyễn Tường An	Đ	Đ	Đ	8,3	8,0	8,4	7,6	7,1	8,7	6,7	8,0	8,1	T	T
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ	Đ	8,3	9,0	9,2	8,2	8,2	8,9	8,0	7,4	8,1	T	T
3	Nguyễn Quốc Anh	Đ	Đ	Đ	7,3	7,6	9,7	7,4	6,3	8,3	7,1	7,7	7,9	K	T
4	Nguyễn Chí Bảo	Đ	Đ	Đ	6,7	7,4	8,7	8,9	6,4	8,5	5,8	8,9	8,1	K	T
5	Phan Thị Kim Chi	Đ	Đ	Đ	9,0	9,0	9,5	9,5	8,3	8,9	8,5	7,6	8,5	T	T
6	Nguyễn Ngọc Cơ	Đ	Đ	Đ	9,7	9,4	9,9	9,5	8,6	9,1	8,8	8,4	7,9	T	T
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	Đ	Đ	Đ	7,9	7,7	6,9	6,4	6,8	7,6	6,1	8,0	7,8	K	T
8	Đỗ Phát Đạt	Đ	Đ	Đ	6,5	6,3	5,3	5,7	6,9	6,6	3,1	8,1	7,9	CĐ	T
9	Nguyễn Minh Đức	Đ	Đ	Đ	7,2	7,3	8,4	8,8	7,3	8,4	6,3	8,7	8,4	K	T
10	Lê Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	6,3	7,3	6,5	6,8	7,4	8,6	6,5	6,6	8,4	K	T
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	Đ	Đ	Đ	6,6	7,3	9,3	5,9	6,4	7,6	6,8	7,3	8,7	K	T
12	Kiều Thị Lan Hương	Đ	Đ	Đ	7,6	7,8	8,9	8,6	7,4	8,0	7,4	8,0	8,6	K	T
13	Ngô An Khang	Đ	Đ	Đ	6,0	6,3	7,7	6,5	6,2	8,6	6,8	7,6	8,0	K	T
14	Nguyễn Tấn Khanh	Đ	Đ	Đ	7,9	8,6	7,0	8,2	8,0	8,8	6,4	8,4	8,8	K	T
15	Nguyễn Tấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	6,5	6,8	5,9	5,7	6,9	7,2	6,4	7,7	7,2	K	T
16	Trần Thành Kiệt	Đ	Đ	Đ	8,1	8,6	8,3	8,2	7,1	8,8	7,2	8,0	7,9	T	T
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	6,8	6,5	6,5	5,8	6,2	7,3	5,3	8,9	6,8	K	T
18	Trần Thanh Mai	Đ	Đ	Đ	9,5	8,9	9,5	9,5	7,2	9,3	7,0	8,7	8,4	T	T
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	Đ	Đ	Đ	9,5	9,3	9,9	9,3	8,2	9,3	9,0	7,6	8,0	T	T
20	Nguyễn Hồng Ngân	Đ	Đ	Đ	7,6	7,0	9,1	7,5	6,9	8,8	6,3	8,4	7,5	K	T
21	Ngô Bảo Nghi	Đ	Đ	Đ	8,1	8,8	8,0	8,8	7,8	8,8	8,1	6,9	8,8	T	T
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	Đ	Đ	Đ	6,3	7,1	4,7	5,7	7,4	7,2	6,4	6,9	8,9	Đ	T
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Đ	Đ	Đ	6,4	6,3	8,4	6,0	7,5	7,8	7,1	7,4	7,8	K	T
24	Phan Thị Kim Oanh	Đ	Đ	Đ	8,4	7,9	9,9	7,0	6,8	8,6	7,2	7,7	7,4	K	T
25	Lê Phong Phú	Đ	Đ	Đ	6,0	6,2	6,7	6,9	6,8	7,3	5,2	7,0	7,9	K	T
26	Ngô Thị Trúc Phương	Đ	Đ	Đ	7,8	6,4	8,1	7,3	6,9	7,4	6,5	7,1	7,4	K	T
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	6,3	8,1	9,1	8,4	7,2	7,6	7,2	7,0	8,1	K	T
28	Cao Thanh Thắng	Đ	Đ	Đ	2,9	5,8	5,0	4,3	3,9	5,7	3,2	7,4	5,1	CĐ	Đ
29	Nguyễn Công Thoại	Đ	Đ	Đ	8,2	9,0	7,7	7,9	7,2	8,7	6,6	8,3	8,8	K	T
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	Đ	Đ	Đ	6,5	7,4	8,7	8,4	6,8	8,3	6,4	7,5	8,3	K	T
31	Nguyễn Thị Anh Thư	Đ	Đ	Đ	6,5	7,8	7,2	7,2	6,6	7,9	6,2	7,3	8,5	K	T
32	Nguyễn Thị Kim Thư	Đ	Đ	Đ	8,5	8,7	9,4	8,7	7,9	9,3	7,9	8,7	8,0	T	T
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ	Đ	7,3	7,9	7,7	6,5	6,4	7,9	6,2	7,3	7,9	K	T
34	Đào Thị Mỹ Tiên	Đ	Đ	Đ	9,2	9,3	9,2	9,2	7,4	8,1	6,3	8,6	8,1	K	T
35	Nguyễn Bình Tính	Đ	Đ	Đ	6,2	8,4	7,7	6,8	6,8	8,4	6,3	8,7	8,1	K	K
36	Nguyễn Phong Toàn	Đ	Đ	Đ	6,4	6,6	9,8	8,1	6,3	7,4	6,4	7,7	8,6	K	T
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	Đ	Đ	Đ	8,0	9,0	8,7	9,0	8,4	8,6	7,4	8,0	8,1	T	T
38	Lê Thị Huyền Trân	Đ	Đ	Đ	6,7	7,3	8,3	7,5	7,4	8,2	6,9	7,4	8,0	K	T
39	Mai Trần Huyền Trân	Đ	Đ	Đ	8,1	7,9	7,8	8,1	7,2	8,8	7,1	8,0	8,4	K	T
40	Trần Thanh Tuyết	Đ	Đ	Đ	8,2	8,2	7,8	7,6	7,1	8,3	6,5	7,1	8,3	K	T
41	Huỳnh Lê Vy	Đ	Đ	Đ	7,1	7,3	8,7	8,7	7,2	8,6	7,3	7,7	7,8	K	T
42	Trương Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	7,9	7,3	8,2	9,3	7,8	8,8	8,1	8,0	8,9	T	T
43	Đỗ Ngọc Như Ý	Đ	Đ	Đ	8,7	7,7	9,4	8,9	6,3	8,1	6,7	7,9	7,9	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thị Bé Hà

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Cao Nguyễn Tường An	T	K				Lên lớp			Tổng số học sinh: 43 - Được lên lớp: 42 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè. - Không được lên lớp: 0
2	Nguyễn Thị Lan Anh	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
3	Nguyễn Quốc Anh	T	K				Lên lớp			
4	Nguyễn Chí Bảo	T	K			6	Lên lớp			
5	Phan Thị Kim Chi	T	T			2	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
6	Nguyễn Ngọc Cơ	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
7	Phạm Nguyễn Thành Duy	T	K			2	Lên lớp			
8	Đỗ Phát Đạt	T	Đ			13	Lên lớp			
9	Nguyễn Minh Đức	T	K			1	Lên lớp			
10	Lê Thị Ngọc Hân	T	K				Lên lớp			
11	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	T	K			2	Lên lớp			Giáo viên chủ nhiệm <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> Nguyễn Thị Bé Hà Hiệu trưởng <i>(Ký tên, đóng dấu)</i> Nguyễn Minh Triều
12	Kiều Thị Lan Hương	T	K				Lên lớp			
13	Ngô An Khang	T	K			2	Lên lớp			
14	Nguyễn Tấn Khanh	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
15	Nguyễn Tấn Kiệt	T	Đ				Lên lớp			
16	Trần Thành Kiệt	T	T			2	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	T	Đ			16	Lên lớp			
18	Trần Thanh Mai	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
19	Nguyễn Ngọc Châu Ngân	T	T			6	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
20	Nguyễn Hồng Ngân	T	K				Lên lớp			
21	Ngô Bảo Nghi	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
22	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	T	Đ			10	Lên lớp			
23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	T	K				Lên lớp			
24	Phan Thị Kim Oanh	T	K			3	Lên lớp			
25	Lê Phong Phú	T	K			1	Lên lớp			
26	Ngô Thị Trúc Phương	T	K				Lên lớp			
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	T	K				Lên lớp			
28	Cao Thanh Thắng	Đ	CĐ			30		Kiểm tra lại		
29	Nguyễn Công Thoại	T	K				Lên lớp			
30	Nguyễn Lê Xuân Thuý	T	K				Lên lớp			
31	Nguyễn Thị Anh Thư	T	K			5	Lên lớp			
32	Nguyễn Thị Kim Thư	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
33	Đặng Thị Cẩm Tiên	T	K			1	Lên lớp			
34	Đào Thị Mỹ Tiên	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
35	Nguyễn Bình Tính	K	K				Lên lớp			
36	Nguyễn Phong Toàn	T	K			11	Lên lớp			
37	Nguyễn Kim Huyền Trân	T	T			6	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
38	Lê Thị Huyền Trân	T	K			5	Lên lớp			
39	Mai Trần Huyền Trân	T	K				Lên lớp			
40	Trần Thanh Tuyết	T	K				Lên lớp			
41	Huỳnh Lê Vy	T	K			2	Lên lớp			
42	Trương Thảo Vy	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
43	Đỗ Ngọc Như Ý	T	K				Lên lớp			

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9		Nguyễn Minh Triều
Tháng 10		Nguyễn Minh Triều
Tháng 11		Nguyễn Minh Triều
Tháng 12		Nguyễn Minh Triều
Tháng 1		Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2		Nguyễn Minh Triều
Tháng 3		Nguyễn Minh Triều
Tháng 4		Nguyễn Minh Triều
Tháng 5		Nguyễn Minh Triều